

Số: 119 /QĐ-ĐHCNQN

Quảng Ninh, ngày 14 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v công nhận kết quả rèn luyện năm học 2021 – 2022 của sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

Căn cứ Quyết định số 221/QĐ-HĐT ngày 13/6/2022 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BGDĐT ngày 12/8/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy;

Căn cứ Hướng dẫn số 248/HĐ-ĐHCNQN ngày 31/7/2017 của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh về việc hướng dẫn đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên;

Căn cứ Quyết định số 35/QĐ- ĐHCNQN ngày 38/2/2022 của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh về việc Công nhận kết quả rèn luyện học kỳ 1 năm học 2021 - 2022;

Căn cứ Căn cứ biên bản họp Hội đồng cấp Trường đánh giá rèn luyện sinh viên năm học 2021 - 2022 ngày 13/9/2022;

Xét đề nghị của Thường trực hội đồng Thi đua khen thưởng khối học sinh sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả rèn luyện năm học 2021 – 2022 cho 789 sinh viên (danh sách kèm theo).

Điều 2. Trưởng các đơn vị trong toàn trường, Cố vấn học tập và 789 sinh viên căn cứ Quyết định thực hiện./.

Nơi nhận:

- Giám hiệu;
- Như điều 2;
- Lưu: VT, CTSV.



TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÈN LUYỆN CỦA SINH VIÊN NĂM HỌC 2021 - 2022

(Kèm theo Quyết định số: 419/QĐ - ĐHCNQN, ngày 14 tháng 9 năm 2022)

Tổng số sinh viên: 819; Số sinh viên tham gia đánh giá 789 chiếm 95,86

30 sinh viên không đánh giá Rèn luyện năm học 2021 - 2022 do không đủ điều kiện 12 sinh viên BL HK1 và HK2. 18 sinh viên mới vào học từ học kỳ 2

TT	Khoa	Số SV tham gia đánh giá	XS		Tốt		Khá		TB		Yếu		Kém	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Điện	206	47	22,82	111	53,88	40	19,42	6	2,91	2	0,97	0	0
2	CK - ĐL	51	12	23,53	34	66,67	5	9,80	0	0,00	0	0,00	0	0
3	CNTT	67	3	4,48	54	80,60	6	8,96	4	5,97	0	0,00	0	0
4	Kinh tế	148	44	29,73	86	58,11	14	9,46	3	2,03	1	0,68	0	0
5	KHCB	294	24	8,16	196	66,67	62	21,09	6	2,04	6	2,04	0	0
6	M&CT	23	3	13,04	11	47,83	7	30,43	2	8,70	0	0,00	0	0
Tổng		789	133	16,86	492	62,36	134	16,98	21	2,66	9	1,14	0	0

CÔNG NHẬN KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RÈN LUYỆN SINH VIÊN NĂM HỌC 2021 - 2022
(Kèm theo Quyết định số: 119/QĐ - ĐHCNQN, ngày 14 tháng 9 năm 2022)

STT	MÃ SV	Họ Tên	Lớp chuyên ngành	Điểm RL HK1	Điểm RL HK1	Điểm RLHK2	XLRL Năm học	Mã lớp	Khoa
1	CQ11DH0057	Nguyễn Danh Bách	TĐH K11	89	90	89,5	Tốt	DIEN02	ĐIỆN
2	CQ11DH0090	Nghiêm Hoàng Giang	TĐH K11	95	95	95,0	XS	DIEN02	ĐIỆN
3	CQ11DH0104	Đinh Trung Hiếu	TĐH K11	95	95	95,0	XS	DIEN02	ĐIỆN
4	CQ11DH0047	Bùi Thanh Hợp	TĐH K11	95	95	95,0	XS	DIEN02	ĐIỆN
5	CQ11DH0059	Nguyễn Đức Hùng	TĐH K11	93	93	93,0	XS	DIEN02	ĐIỆN
6	CQ11DH0105	Đinh Ngọc Khiêm	TĐH K11	89	90	89,5	Tốt	DIEN02	ĐIỆN
7	CQ11DH0044	Hoàng Văn Long	TĐH K11	91	91	91,0	XS	DIEN02	ĐIỆN
8	CQ11DH0050	Trần Dương Long	TĐH K11	96	96	96,0	XS	DIEN02	ĐIỆN
9	CQ11DH0051	Hoàng Anh Quân	TĐH K11	88	90	89,0	Tốt	DIEN02	ĐIỆN
10	CQ11DH0052	Nguyễn Văn Sơn	TĐH K11	89	90	89,5	Tốt	DIEN02	ĐIỆN
11	CQ11DH0045	Nguyễn Cảnh Toàn	TĐH K11	90	90	90,0	XS	DIEN02	ĐIỆN
12	CQ11DH0043	Bùi Mạnh Tuấn	TĐH K11	90	90	90,0	XS	DIEN02	ĐIỆN
13	CQ11DH0100	Vũ Minh Tuấn	TĐH K11	88	90	89,0	Tốt	DIEN02	ĐIỆN
14	CQ11DH0111	Nguyễn Mạnh Tùng	TĐH K11	88	90	89,0	Tốt	DIEN02	ĐIỆN
15	CQ12DH0117	Đặng Minh Chiến	TĐH K12	95	95	95,0	XS	DIEN02	ĐIỆN
16	CQ12DH0040	Vũ Mạnh Cường	TĐH K12	97	97	97,0	XS	DIEN02	ĐIỆN
17	CQ12DH0038	Trịnh Đức Đại	TĐH K12	90	86	88,0	Tốt	DIEN02	ĐIỆN
18	CQ12DH0143	Lê Duy Điền	TĐH K12	91	91	91,0	XS	DIEN02	ĐIỆN
19	CQ12DH0052	Đặng Văn Hiếu	TĐH K12	88	90	89,0	Tốt	DIEN02	ĐIỆN
20	CQ12DH0041	Hà Ngọc Hiếu	TĐH K12	95	95	95,0	XS	DIEN02	ĐIỆN
21	CQ12DH0044	Nguyễn Minh Hiếu	TĐH K12	88	90	89,0	Tốt	DIEN02	ĐIỆN
22	CQ12DH0042	Nguyễn Huy Hoàng	TĐH K12	62	64	63,0	TB	DIEN02	ĐIỆN
23	CQ12DH0054	Nguyễn Lê Hoàng	TĐH K12	89	89	89,0	Tốt	DIEN02	ĐIỆN
24	CQ12DH0121	Nguyễn Tuấn Huy	TĐH K12	88	86	87,0	Tốt	DIEN02	ĐIỆN
25	CQ12DH0057	Vũ Quang Hưng	TĐH K12	88	88	88,0	Tốt	DIEN02	ĐIỆN
26	CQ12DH0056	Bùi Xuân Khánh	TĐH K12	91	89	90,0	XS	DIEN02	ĐIỆN
27	CQ12DH0034	Trương Tuấn Kiệt	TĐH K12	91	88	89,5	Tốt	DIEN02	ĐIỆN
28	CQ12DH0154	Phạm Công Minh	TĐH K12	92	90	91,0	XS	DIEN02	ĐIỆN
29	CQ12DH0048	Phan Văn Minh	TĐH K12	85	83	84,0	Tốt	DIEN02	ĐIỆN
30	CQ12DH0139	Vũ Văn Sang	TĐH K12	90	88	89,0	Tốt	DIEN02	ĐIỆN
31	CQ12DH0050	Nguyễn Đức Thành	TĐH K12	88	87	87,5	Tốt	DIEN02	ĐIỆN
32	CQ12DH0053	Phạm Thân Thương	TĐH K12	96	96	96,0	XS	DIEN02	ĐIỆN
33	CQ12DH0043	Phạm Ngọc Tuấn	TĐH K12	74	79	76,5	Khá	DIEN02	ĐIỆN
34	LTCQ13DH02	Đào Văn Chung	LT K13	88	88	88,0	Tốt	DIEN02	ĐIỆN
35	CQ11DH0106	Đỗ Duy Anh	CNĐL K11	83	83	83,0	Tốt	DIEN05	ĐIỆN
36	CQ11DH0061	Phạm Ngọc Giang	CNĐL K11	86	86	86,0	Tốt	DIEN05	ĐIỆN
37	CQ11DH0108	Nguyễn Mạnh Hùng	CNĐL K11	80	80	80,0	Tốt	DIEN05	ĐIỆN
38	CQ11DH0064	Lê Ngọc Hưng	CNĐL K11	88	88	88,0	Tốt	DIEN05	ĐIỆN
39	CQ11DH0062	Bùi Thượng Kiên	CNĐL K11	91	91	91,0	XS	DIEN05	ĐIỆN
40	CQ11DH0060	Phạm Đức Quý	CNĐL K11	87	87	87,0	Tốt	DIEN05	ĐIỆN
41	CQ13DH0231	Lê Thanh Bách	CNĐL K13	83	83	83,0	Tốt	DIEN05	ĐIỆN
42	CQ13DH0058	Đặng Minh Hiếu	CNĐL K13	80	80	80,0	Tốt	DIEN05	ĐIỆN
43	CQ13DH0251	Tô Tiến Hiếu	CNĐL K13	80	80	80,0	Tốt	DIEN05	ĐIỆN
44	CQ13DH0233	Trần Việt Hoàng	CNĐL K13	81	81	81,0	Tốt	DIEN05	ĐIỆN
45	CQ13DH0273	Lê Trọng Tú	CNĐL K13	82	82	82,0	Tốt	DIEN05	ĐIỆN
46	CQ13DH0160	Lê Đức Mạnh	CĐM K13	0	0	0,0	Yếu	Bảo lưu	ĐIỆN
47	CQ13DH0327	Trần Trọng Nghĩa	CĐM K13	64	87	75,5	Khá	DIEN05	ĐIỆN
48	CQ13DH0277	Nguyễn Văn Hải Ninh	CĐM K13	71	81	76,0	Khá	DIEN05	ĐIỆN
49	CQ13DH0279	Hoàng Đức Toàn	CĐM K13	81	81	81,0	Tốt	DIEN05	ĐIỆN

STT	MÃ SV	Họ	Tên	Lớp chuyên ngành	Điểm RL HK1	Điểm RL HK1	Điểm RLHK2	XLRL Năm học	Mã lớp	Khoa
50	CQ13DH0282	Nguyễn Văn	Đạt	KTĐ 13	78	83	80,5	Tốt	DIEN09	ĐIỆN
51	CQ13DH0268	Đinh Như	Đức	KTĐ 13	85	89	87,0	Tốt	DIEN09	ĐIỆN
52	CQ13DH0387	Vũ Hoàng Trung	Đức	KTĐ 13	91	85	88,0	Tốt	DIEN09	ĐIỆN
53	CQ13DH0263	Trần Hùng	Dũng	KTĐ 13	93	83	88,0	Tốt	DIEN09	ĐIỆN
54	CQ13DH0186	Trịnh Ngọc	Dũng	KTĐ 13	91	84	87,5	Tốt	DIEN09	ĐIỆN
55	CQ13DH0178	Phạm Văn	Hiếu	KTĐ 13	81	88	84,5	Tốt	DIEN09	ĐIỆN
56	CQ13DH0295	Đỗ Khắc	Hoàng	KTĐ 13	89	83	86,0	Tốt	DIEN09	ĐIỆN
57	CQ13DH0240	Phạm Thế	Hùng	KTĐ 13	91	92	91,5	XS	DIEN09	ĐIỆN
58	CQ13DH0389	Đinh Việt	Hưng	KTĐ 13	89	94	91,5	XS	DIEN09	ĐIỆN
59	CQ13DH0248	Bê Tiến	Huy	KTĐ 13	91	84	87,5	Tốt	DIEN09	ĐIỆN
60	CQ13DH0232	Vũ Huy Đức	Long	KTĐ 13	87	80	83,5	Tốt	DIEN09	ĐIỆN
61	CQ13DH0239	Đỗ Đình	Lương	KTĐ 13	95	92	93,5	XS	DIEN09	ĐIỆN
62	CQ13DH0265	Cao Hoàng	Mạnh	KTĐ 13	88	87	87,5	Tốt	DIEN09	ĐIỆN
63	CQ13DH0291	Lý Văn	Mạnh	KTĐ 13	85	85	85,0	Tốt	DIEN09	ĐIỆN
64	CQ13DH0175	Nguyễn Hồng	Minh	KTĐ 13	87	83	85,0	Tốt	DIEN09	ĐIỆN
65	CQ13DH0299	Hoàng Long	Quân	KTĐ 13	87	80	83,5	Tốt	DIEN09	ĐIỆN
66	CQ13DH0276	Mạc Hồng	Quang	KTĐ 13	64	72	68,0	Khá	DIEN09	ĐIỆN
67	CQ13DH0394	Vũ Đức	Son	KTĐ 13	83	83	83,0	Tốt	DIEN09	ĐIỆN
68	CQ13DH0254	Nguyễn Ngọc	Thần	KTĐ 13	95	90	92,5	XS	DIEN09	ĐIỆN
69	CQ13DH0285	Đinh Công	Thành	KTĐ 13	83	83	83,0	Tốt	DIEN09	ĐIỆN
70	CQ13DH0431	Hà Nguyễn Thế	Toàn	KTĐ 13	79	78	78,5	Khá	DIEN09	ĐIỆN
71	CQ13DH0246	Trần Bình	Trọng	KTĐ 13	87	83	85,0	Tốt	DIEN09	ĐIỆN
72	CQ13DH0252	Hoàng Văn	Trường	KTĐ 13	91	84	87,5	Tốt	DIEN09	ĐIỆN
73	CQ13DH0396	Nguyễn Quang	Trường	KTĐ 13	95	88	91,5	XS	DIEN09	ĐIỆN
74	CQ13DH0257	Đinh Xuân	Tùng	KTĐ 13	93	80	86,5	Tốt	DIEN09	ĐIỆN
75	LA13DH0023	Chor	Lao	KTĐ 13	91	80	85,5	Tốt	DIEN09	ĐIỆN
76	LA13DH0019	Maipheng	Lorphetxay	KTĐ 13	85	88	86,5	Tốt	DIEN09	ĐIỆN
77	LA13DH0027	Phimmason	Manivong	KTĐ 13	81	85	83,0	Tốt	DIEN09	ĐIỆN
78	LA13DH0005	Satthaphone	Mathipanya	KTĐ 13	81	86	83,5	Tốt	DIEN09	ĐIỆN
79	LA13DH0026	Chimy	Pakayheuang	KTĐ 13	71	75	73,0	Khá	DIEN09	ĐIỆN
80	LA13DH0018	Senxay	Phoutthavongsa	KTĐ 13	71	80	75,5	Khá	DIEN09	ĐIỆN
81	LA13DH0025	Bounchanh	Salikathong	KTĐ 13	87	85	86,0	Tốt	DIEN09	ĐIỆN
82	LA13DH0006	Soulinthone	sivongsack	KTĐ 13	73	84	78,5	Khá	DIEN09	ĐIỆN
83	LA13DH0007	Vongphachanh	Thipphaxay	KTĐ 13	73	80	76,5	Khá	DIEN09	ĐIỆN
84	LA13DH0009	Anousith	Vannachone	KTĐ K13	91	84	87,5	Tốt	DIEN09	ĐIỆN
85	LA13DH0001	Xaiyasith	Xaiyaphone	KTĐ K13	67	79	73,0	Khá	DIEN09	ĐIỆN
86	CQ12DH0129	Nguyễn Tuấn	Anh	KTĐL K12	65	77	71,0	Khá	DIEN06	ĐIỆN
87	CQ12DH0006	Vương Minh	Chiến	KTĐL K12	92	95	93,5	XS	DIEN06	ĐIỆN
88	CQ12DH0004	Phùng Tiến	Công	KTĐL K12	81	81	81,0	Tốt	DIEN06	ĐIỆN
89	CQ12DH0001	Nịnh Văn	Hiếu	KTĐL K12	92	92	92,0	XS	DIEN06	ĐIỆN
90	CQ12DH0124	Phạm Đức	Nhật	KTĐL K12	83	85	84,0	Tốt	DIEN06	ĐIỆN
91	CQ12DH0114	Lương Khánh	Toan	KTĐL K12	83	85	84,0	Tốt	DIEN06	ĐIỆN
92	CQ12DH0037	Nguyễn Tuấn	Anh	KTĐT K12	79	70	74,5	Khá	DIEN06	ĐIỆN
93	CQ12DH0111	Lê Phúc Thành	Đạt	KTĐT K12	78	85	81,5	Tốt	DIEN06	ĐIỆN
94	CQ12DH0084	Bùi Ngọc	Thạch	KTĐT K12	71	70	70,5	Khá	DIEN06	ĐIỆN
95	CQ12DH0036	Nguyễn Văn	Thắng	KTĐT K12	85	96	90,5	XS	DIEN06	ĐIỆN
96	CQ12DH0019	Nguyễn Việt	Anh	KTĐ K12	96	90	93,0	XS	DIEN06	ĐIỆN
97	CQ12DH0028	Phạm Thành	Công	KTĐ K12	95	95	95,0	XS	DIEN06	ĐIỆN
98	CQ12DH0122	Trần Nhật	Công	KTĐ K12	98	99	98,5	XS	DIEN06	ĐIỆN
99	CQ12DH0138	Mạc Anh	Dũng	KTĐ K12	84	84	84,0	Tốt	DIEN06	ĐIỆN
100	CQ12DH0033	Đặng Thành	Đạt	KTĐ K12	75	80	77,5	Khá	DIEN06	ĐIỆN
101	CQ12DH0152	Lê Văn	Đạt	KTĐ K12	89	89	89,0	Tốt	DIEN06	ĐIỆN
102	CQ12DH0025	Vũ Cường	Đồng	KTĐ K12	92	97	94,5	XS	DIEN06	ĐIỆN

STT	MÃ SV	Họ	Tên	Lớp chuyên ngành	Điểm RL HK1	Điểm RL HK1	Điểm RLHK2	XLRL Năm học	Mã lớp	Khoa
103	CQ12DH0029	Cao Tích	Đức	KTĐ K12	90	93	91,5	XS	DIEN06	ĐIỆN
104	CQ12DH0023	Đào Mạc	Đức	KTĐ K12	86	90	88,0	Tốt	DIEN06	ĐIỆN
105	CQ12DH0024	Tô Quảng	Đức	KTĐ K12	86	89	87,5	Tốt	DIEN06	ĐIỆN
106	CQ12DH0020	Đỗ Nguyên	Giáp	KTĐ K12	84	63	73,5	Khá	DIEN06	ĐIỆN
107	CQ12DH0132	Phạm Văn	Hải	KTĐ K12	93	97	95,0	XS	DIEN06	ĐIỆN
108	CQ12DH0022	Vũ Thế	Hậu	KTĐ K12	64	64	64,0	TB	DIEN06	ĐIỆN
109	CQ12DH0030	Bùi Tổ	Minh	KTĐ K12	72	77	74,5	Khá	DIEN06	ĐIỆN
110	CQ12DH0031	Hồ Vũ	Quỳnh	KTĐ K12	84	93	88,5	Tốt	DIEN06	ĐIỆN
111	CQ12DH0032	Đinh Văn	Thái	KTĐ K12	81	85	83,0	Tốt	DIEN06	ĐIỆN
112	CQ12DH0026	Nguyễn Quang	Vinh	KTĐ K12	99	94	96,5	XS	DIEN06	ĐIỆN
113	LA12DH0002	Khamphet	Chanthapha	KTĐ K12	82	86	84,0	Tốt	DIEN06	ĐIỆN
114	LA12DH0004	Anousone	Inteum	KTĐ K12	78	78	78,0	Khá	DIEN06	ĐIỆN
115	LA12DH0005	Somsavanh	Keovanxay	KTĐ K12	88	75	81,5	Tốt	DIEN06	ĐIỆN
116	LA12DH0008	Xinnavath	Khamsing	KTĐ K12	82	82	82,0	Tốt	DIEN06	ĐIỆN
117	LA12DH0031	Khampheua	Nammavong	KTĐ K12	82	87	84,5	Tốt	DIEN06	ĐIỆN
118	LA12DH0011	Vilaphon	Saryavoud	KTĐ K12	85	85	85,0	Tốt	DIEN06	ĐIỆN
119	LA12DH0007	Xeme	Senechonghak	KTĐ K12	98	98	98,0	XS	DIEN06	ĐIỆN
120	LA12DH0010	Thanousack	Vilaxay	KTĐ K12	82	84	83,0	Tốt	DIEN06	ĐIỆN
121	LA12DH0009	Visouk	Xainyadetyar	KTĐ K12	88	92	90,0	XS	DIEN06	ĐIỆN
122	LA12DH0003	Phonethip	Xayasone	KTĐ K12	95	95	95,0	XS	DIEN06	ĐIỆN
123	LA12DH0006	Souliya	Xuendavanh	KTĐ K12	80	80	80,0	Tốt	DIEN06	ĐIỆN
124	LA12DH0029	Maisao	Yongsompheng	KTĐ K12	86	86	86,0	Tốt	DIEN06	ĐIỆN
125	CQ11DH0126	Phạm Tuấn	Anh	KTĐ 11	52	64	58,0	TB	DIEN01	ĐIỆN
126	CQ11DH0132	Vũ Tuấn	Anh	KTĐ 11	77	85	81,0	Tốt	DIEN01	ĐIỆN
127	LA11DH0006	Sipaseuth	Chansavath	KTĐ 11	85	90	87,5	Tốt	DIEN01	ĐIỆN
128	CQ11DH0056	Đoàn Minh	Chiến	KTĐ 11	82	82	82,0	Tốt	DIEN01	ĐIỆN
129	CQ11DH0073	Bùi Công	Duy	KTĐ 11	87	95	91,0	XS	DIEN01	ĐIỆN
130	CQ11DH0070	Trần Thế	Duy	KTĐ 11	87	87	87,0	Tốt	DIEN01	ĐIỆN
131	CQ11DH0079	Lã Minh	Đức	KTĐ 11	87	90	88,5	Tốt	DIEN01	ĐIỆN
132	CQ11DH0096	Vũ Văn	Đức	KTĐ 11	87	90	88,5	Tốt	DIEN01	ĐIỆN
133	CQ11DH0037	Trần Ngọc	Đức	KTĐ 11	70	70	70,0	Khá	DIEN01	ĐIỆN
134	CQ11DH0071	Phạm Thanh	Hải	KTĐ 11	85	90	87,5	Tốt	DIEN01	ĐIỆN
135	CQ11DH0133	Lê Trung	Hiếu	KTĐ 11	82	82	82,0	Tốt	DIEN01	ĐIỆN
136	CQ11DH0055	Nguyễn Xuân	Hiếu	KTĐ 11	87	89	88,0	Tốt	DIEN01	ĐIỆN
137	CQ11DH0087	Nguyễn Tuấn	Huy	KTĐ 11	87	90	88,5	Tốt	DIEN01	ĐIỆN
138	CQ11DH0077	Vi Đăng	Kiểm	KTĐ 11	82	82	82,0	Tốt	DIEN01	ĐIỆN
139	CQ11DH0063	Bùi Đức	Khánh	KTĐ 11	90	90	90,0	XS	DIEN01	ĐIỆN
140	CQ11DH0067	Trần Đình	Khiêm	KTĐ 11	74	80	77,0	Khá	DIEN01	ĐIỆN
141	CQ11DH0054	Nguyễn Ngọc Hoàng	Long	KTĐ 11	90	90	90,0	XS	DIEN01	ĐIỆN
142	CQ11DH0089	Trần Hoàng	Long	KTĐ 11	82	82	82,0	Tốt	DIEN01	ĐIỆN
143	CQ11DH0065	Chu Văn	Nam	KTĐ 11	87	87	87,0	Tốt	DIEN01	ĐIỆN
144	CQ11DH0110	Trần Đức	Nam	KTĐ 11	52	80	66,0	Khá	DIEN01	ĐIỆN
145	LA11DH0011	Somdeth	Phanthavy	KTĐ 11	64	83	73,5	Khá	DIEN01	ĐIỆN
146	LA11DH0002	Vanh say	Phommasan	KTĐ 11	90	90	90,0	XS	DIEN01	ĐIỆN
147	LA11DH0007	Sitthikone	Phomsy	KTĐ 11	85	90	87,5	Tốt	DIEN01	ĐIỆN
148	LA11DH0008	Anoulack	Phonesavat	KTĐ 11	85	90	87,5	Tốt	DIEN01	ĐIỆN
149	LA11DH0003	Anouluk	Phonesouli	KTĐ 11	60	60	60,0	TB	DIEN01	ĐIỆN
150	CQ11DH0075	Hà Đình	Phong	KTĐ 11	82	82	82,0	Tốt	DIEN01	ĐIỆN
151	LA11DH0005	Phithack	Phongsavath	KTĐ 11	82	85	83,5	Tốt	DIEN01	ĐIỆN
152	CQ11DH0072	Phan Doãn	Quang	KTĐ 11	76	82	79,0	Khá	DIEN01	ĐIỆN
153	CQ11DH0137	Đoàn Minh	Quang	KTĐ 11	53	80	66,5	Khá	DIEN01	ĐIỆN
154	CQ11DH0102	Nguyễn Ngọc	Quyên	KTĐ 11	90	90	90,0	XS	DIEN01	ĐIỆN
155	CQ11DH0078	Bùi Đức	Quyết	KTĐ 11	85	85	85,0	Tốt	DIEN01	ĐIỆN

STT	MÃ SV	Họ	Tên	Lớp chuyên ngành	Điểm RL HK1	Điểm RL HK1	Điểm RLHK2	XLRL Năm học	Mã lớp	Khoa
156	LA11DH0004	Mai Eit	Sengdeuanthor	KTĐ 11	85	90	87,5	Tốt	DIEN01	ĐIỆN
157	CQ11DH0117	Nguyễn Hồng	Son	KTĐ 11	82	87	84,5	Tốt	DIEN01	ĐIỆN
158	LA11DH0010	Phouthsavanh	Thanavanh	KTĐ 11	85	85	85,0	Tốt	DIEN01	ĐIỆN
159	CQ11DH0076	Vũ Chí	Thành	KTĐ 11	90	85	87,5	Tốt	DIEN01	ĐIỆN
160	CQ11DH0068	Trần Cao	Thăng	KTĐ 11	82	77	79,5	Khá	DIEN01	ĐIỆN
161	LA11DH0009	Kor	Thor	KTĐ 11	95	95	95,0	XS	DIEN01	ĐIỆN
162	LA11DH0012	Tousong	Thor	KTĐ 11	77	90	83,5	Tốt	DIEN01	ĐIỆN
163	CQ11DH0107	Đặng Đình	Việt	KTĐ 11	95	95	95,0	XS	DIEN01	ĐIỆN
164	CQ11DH0095	Nguyễn Xuân	Việt	KTĐ 11	70	70	70,0	Khá	DIEN01	ĐIỆN
165	CQ11DH0097	Nguyễn Lâm	Thắng	KTĐ 11	0	61	30,5	Yếu	DIEN06	ĐIỆN
166	LTCQ13DH01	Lâm Văn	Đào	LTKTĐK13	55	55	55,0	TB	DIEN01	ĐIỆN
167	CQ13DH0196	Phạm Tuấn	Anh	CN TĐH K13	85	80	82,5	Tốt	DIEN10	ĐIỆN
168	CQ13DH0198	Trần Việt	Anh	CN TĐH K13	80	80	80,0	Tốt	DIEN10	ĐIỆN
169	CQ13DH0199	Đoàn Tuấn	Anh	CN TĐH K13	95	93	94,0	XS	DIEN10	ĐIỆN
170	CQ13DH0204	Vũ Tuấn	Anh	CN TĐH K13	80	74	77,0	Khá	DIEN10	ĐIỆN
171	CQ13DH0208	Nguyễn Minh	Anh	CN TĐH K13	91	90	90,5	XS	DIEN10	ĐIỆN
172	CQ13DH0418	Trần Ngọc	Điệp	CN TĐH K13	77	73	75,0	Khá	DIEN10	ĐIỆN
173	CQ13DH0242	Hoàng Đức	Dự	CN TĐH K13	80	80	80,0	Tốt	DIEN10	ĐIỆN
174	CQ13DH0219	Bùi Duy	Đức	CN TĐH K13	88	81	84,5	Tốt	DIEN10	ĐIỆN
175	CQ13DH0422	Trần Tiến	Đức	CN TĐH K13	81	76	78,5	Khá	DIEN10	ĐIỆN
176	CQ13DH0298	Phạm Tiến	Dũng	CN TĐH K13	76	75	75,5	Khá	DIEN10	ĐIỆN
177	CQ13DH0305	Nguyễn Thị Hải	Hà	CN TĐH K13	80	59	69,5	Khá	DIEN10	ĐIỆN
178	CQ13DH0224	Bùi Đức	Hiếu	CN TĐH K13	75	65	70,0	Khá	DIEN10	ĐIỆN
179	CQ13DH0402	Nguyễn Văn	Hòa	CN TĐH K13	90	89	89,5	Tốt	DIEN10	ĐIỆN
180	CQ13DH0301	Bùi Văn	Hoàn	CN TĐH K13	84	73	78,5	Khá	DIEN10	ĐIỆN
181	CQ13DH0189	Lê Việt	Hoàng	CN TĐH K13	93	91	92,0	XS	DIEN10	ĐIỆN
182	CQ13DH0235	Nguyễn Kim Việt	Hoàng	CN TĐH K13	89	80	84,5	Tốt	DIEN10	ĐIỆN
183	CQ13DH0188	Trần Quốc	Hùng	CN TĐH K13	89	80	84,5	Tốt	DIEN10	ĐIỆN
184	CQ13DH0190	Bùi Văn	Huy	CN TĐH K13	88	81	84,5	Tốt	DIEN10	ĐIỆN
185	CQ13DH0226	Lê Bảo	Khang	CN TĐH K13	93	89	91,0	XS	DIEN10	ĐIỆN
186	CQ13DH0168	Nguyễn Chí	Lâm	CN TĐH K13	80	75	77,5	Khá	DIEN10	ĐIỆN
187	CQ13DH0423	Cao Vũ	Lâm	CN TĐH K13	90	84	87,0	Tốt	DIEN10	ĐIỆN
188	CQ13DH0205	Đinh Thành	Lập	CN TĐH K13	86	80	83,0	Tốt	DIEN10	ĐIỆN
189	CQ13DH0319	Lương Khánh	Linh	CN TĐH K13	90	90	90,0	XS	DIEN10	ĐIỆN
190	CQ13DH0194	Nguyễn Văn	Lộc	CN TĐH K13	86	80	83,0	Tốt	DIEN10	ĐIỆN
191	CQ13DH0331	Nguyễn Tiến	Mạnh	CN TĐH K13	85	80	82,5	Tốt	DIEN10	ĐIỆN
192	CQ13DH0206	Nguyễn Đức	Minh	CN TĐH K13	89	82	85,5	Tốt	DIEN10	ĐIỆN
193	CQ13DH0203	Nguyễn Trọng	Nghĩa	CN TĐH K13	83	70	76,5	Khá	DIEN10	ĐIỆN
194	CQ13DH0317	Nguyễn Minh	Quân	CN TĐH K13	73	39	56,0	TB	DIEN10	ĐIỆN
195	CQ13DH0441	Bùi Hùng	Quân	CN TĐH K13	77	71	74,0	Khá	DIEN10	ĐIỆN
196	CQ13DH0304	Phạm Ngọc	Sơn	CN TĐH K13	78	75	76,5	Khá	DIEN10	ĐIỆN
197	CQ13DH0339	Nguyễn Quyết	Tiến	CN TĐH K13	72	67	69,5	Khá	DIEN10	ĐIỆN
198	CQ13DH0193	Phạm Quốc	Toàn	CN TĐH K13	80	70	75,0	Khá	DIEN10	ĐIỆN
199	CQ13DH0221	Hà Quốc	Toàn	CN TĐH K13	81	76	78,5	Khá	DIEN10	ĐIỆN
200	CQ13DH0446	Phạm Xuân	Trường	CN TĐH K13	89	71	80,0	Tốt	DIEN10	ĐIỆN
201	CQ13DH0312	Ngô Thanh	Tú	CN TĐH K13	89	84	86,5	Tốt	DIEN10	ĐIỆN
202	CQ13DH0218	Nguyễn Anh	Tuấn	CN TĐH K13	71	67	69,0	Khá	DIEN10	ĐIỆN
203	CQ13DH0217	Chu Minh	Tuấn	CN TĐH K13	80	81	80,5	Tốt	DIEN10	ĐIỆN
204	CQ13DH0216	Lưu Mạnh	Tuấn	CN TĐH K13	88	80	84,0	Tốt	DIEN10	ĐIỆN
205	CQ13DH0244	Bùi Thế	Vinh	CN TĐH K13	93	90	91,5	XS	DIEN10	ĐIỆN
206	CQ13DH0404	Nguyễn Danh	Vọng	CN TĐH K13	88	85	86,5	Tốt	DIEN10	ĐIỆN
207	CQ11DH0042	Vũ Xuân	Bang	TĐH Cơ khí K1	95	95	95,0	XS	CKĐL01	CK - ĐL
208	CQ11DH0041	Trần Văn	Nam	TĐH Cơ khí K1	87	87	87,0	Tốt	CKĐL01	CK - ĐL

STT	MÃ SV	Họ	Tên	Lớp chuyên ngành	Điểm RL HK1	Điểm RL HK1	Điểm RLHK2	XLRL Năm học	Mã lớp	Khoa
209	CQ11DH0125	Nguyễn Văn	Đức	TĐH Cơ khí K11	87	87	87,0	Tốt	CKĐL01	CK - ĐL
210	CQ11DH0124	Nguyễn Trọng	Linh	TĐH Cơ khí K11	90	90	90,0	XS	CKĐL01	CK - ĐL
211	CQ11DH0118	Đỗ Duy	Khánh	TĐH Cơ khí K11	87	87	87,0	Tốt	CKĐL01	CK - ĐL
212	CQ11DH0113	Nguyễn Đình	Đông	TĐH Cơ khí K11	82	82	82,0	Tốt	CKĐL01	CK - ĐL
213	CQ11DH0101	Phan Xuân	Hoàng	Ô tô K11	95	95	95,0	XS	CKĐL01	CK - ĐL
214	CQ11DH0040	Nguyễn Ngọc	Long	Ô tô K11	87	87	87,0	Tốt	CKĐL01	CK - ĐL
215	CQ11DH0038	Lý Thái	Son	Ô tô K11	90	90	90,0	XS	CKĐL01	CK - ĐL
216	CQ11DH0088	Nguyễn Mạnh	Tiến	Ô tô K11	82	82	82,0	Tốt	CKĐL01	CK - ĐL
217	CQ11DH0030	Nguyễn T Phương	Chi	ĐHTK K11	90	90	90,0	XS	CKĐL01	CK - ĐL
218	CQ11DH0031	Trần Anh	Khoa	ĐHTK K11	87	87	87,0	Tốt	CKĐL01	CK - ĐL
219	CQ11DH0029	Đỗ Minh	Tuấn	ĐHTK K11	87	87	87,0	Tốt	CKĐL01	CK - ĐL
220	LA11DH0020		Singthor	ĐHTK K11	95	95	95,0	XS	CKĐL01	CK - ĐL
221	CQ12DH0105	Hòa Ngọc	Đại	Ô tô K12	87	87	87,0	Tốt	CKĐL01	CK - ĐL
222	CQ12DH0017	Đặng Tiến	Đạt	Ô tô K12	95	95	95,0	XS	CKĐL01	CK - ĐL
223	CQ12DH0012	Lý Thành	Đạt	Ô tô K12	82	82	82,0	Tốt	CKĐL01	CK - ĐL
224	CQ12DH0013	Trần Công	Đức	Ô tô K12	87	87	87,0	Tốt	CKĐL01	CK - ĐL
225	CQ12DH0018	Trần Minh	Đức	Ô tô K12	87	87	87,0	Tốt	CKĐL01	CK - ĐL
226	CQ12DH0007	Phạm Hoàng	Kiên	Ô tô K12	92	82	87,0	Tốt	CKĐL01	CK - ĐL
227	CQ12DH0046	Đào Ngọc	Nam	Ô tô K12	80	87	83,5	Tốt	CKĐL01	CK - ĐL
228	CQ12DH0047	Hoàng Sỹ	Nguyên	Ô tô K12	92	80	86,0	Tốt	CKĐL01	CK - ĐL
229	CQ12DH0014	Trần Mạnh	Thái	Ô tô K12	92	87	89,5	Tốt	CKĐL01	CK - ĐL
230	LA12DH0001	Anousith	Thammalath	Ô tô K12	85	87	86,0	Tốt	CKĐL01	CK - ĐL
231	CQ12DH0008	Nguyễn Văn	Tiến	Ô tô K12	82	85	83,5	Tốt	CKĐL01	CK - ĐL
232	CQ12DH0009	Cao Thế	Trung	Ô tô K12	90	63	76,5	Khá	CKĐL01	CK - ĐL
233	CQ12DH0015	Hoàng Đức	Trung	Ô tô K12	76	65	70,5	Khá	CKĐL01	CK - ĐL
234	CQ12DH0011	Bế Minh	Vương	Ô tô K12	95	95	95,0	XS	CKĐL01	CK - ĐL
235	CQ13DH0329	Nguyễn Tuấn	Anh	Ô tô K13	87	87	87,0	Tốt	CKĐL01	CK - ĐL
236	CQ13DH0310	Nguyễn Văn	Bách	Ô tô K13	77	76	76,5	Khá	CKĐL01	CK - ĐL
237	CQ13DH0432	Võ Vinh	Giang	Ô tô K13	95	90	92,5	XS	CKĐL01	CK - ĐL
238	CQ13DH0181	Nguyễn Tuấn	Hiền	Ô tô K13	87	87	87,0	Tốt	CKĐL01	CK - ĐL
239	CQ13DH0182	Nguyễn Văn	Kiên	Ô tô K13	87	82	84,5	Tốt	CKĐL01	CK - ĐL
240	LA13DH0020	Khamsy	Lorxayxang	Ô tô K13	87	82	84,5	Tốt	CKĐL01	CK - ĐL
241	CQ13DH0453	Tạ Văn	Phải	Ô tô K13	80	82	81,0	Tốt	CKĐL01	CK - ĐL
242	CQ13DH0271	Trần Gia	Phong	Ô tô K13	85	80	82,5	Tốt	CKĐL01	CK - ĐL
243	CQ13DH0377	Phạm Văn	Phú	Ô tô K13	90	63	76,5	Khá	CKĐL01	CK - ĐL
244	CQ13DH0183	Phạm Duy	Thắng	Ô tô K13	85	75	80,0	Tốt	CKĐL01	CK - ĐL
245	LA13DH0016	Phouvone	Vilaphone	Ô tô K13	87	85	86,0	Tốt	CKĐL01	CK - ĐL
246	LA13DH0017	Ongphet	Yotbounmy	Ô tô K13	86	82	84,0	Tốt	CKĐL01	CK - ĐL
247	CQ13DH0442	Vũ Minh	Đức	CĐTKK13	95	95	95,0	XS	CKĐL01	CK - ĐL
248	CQ13DH0256	Dương Thanh	Huy	CĐTKK13	86	87	86,5	Tốt	CKĐL01	CK - ĐL
249	CQ13DH0267	Nguyễn Minh	Thắng	CĐTKK13	82	87	84,5	Tốt	CKĐL01	CK - ĐL
250	CQ13DH0322	Đỗ Hoàng	Việt	CĐTKK13	87	82	84,5	Tốt	CKĐL01	CK - ĐL
251	CQ12DH0091	Nguyễn Tiến	Đạt	TK K12	95	95	95,0	XS	CKĐL01	CK - ĐL
252	CQ12DH0090	Vũ Ngọc	Huyền	TK K12	87	87	87,0	Tốt	CKĐL01	CK - ĐL
253	CQ12DH0089	Dương Thị Hồng	Ngọc	TK K12	87	95	91,0	XS	CKĐL01	CK - ĐL
254	CQ12DH0088	Đồng Minh	Quang	TK K12	82	77	79,5	Khá	CKĐL01	CK - ĐL
255	LTCQ13DH12	Phạm Tiến	Tuyển	ĐHTK (LT K13)	85	85	85,0	Tốt	CKĐL01	CK - ĐL
256	LTCQ14DH09	Lê Xuân	Thái	LT Ô tô k14	85	85	85,0	Tốt	CKĐL01	CK - ĐL
257	LTCQVB214D	Huỳnh Thị	Hoa	LTVB2 TK k14	85	85	85,0	Tốt	CKĐL01	CK - ĐL
258	CQ11DH0033	Phạm Văn	Dương	CNPM K11	85	85	85,0	Tốt	CNTT01	CNTT
259	CQ11DH0034	Ngô Việt	Hải	CNPM K11	81	81	81,0	Tốt	CNTT01	CNTT
260	CQ11DH0035	Lã Hùng	Hiếu	CNPM K11	80	80	80,0	Tốt	CNTT01	CNTT
261	CQ11DH0115	Lê Kim	Ngân	CNPM K11	83	83	83,0	Tốt	CNTT01	CNTT

STT	MÃ SV	Họ	Tên	Lớp chuyên ngành	Điểm RL HK1	Điểm RL HK1	Điểm RLHK2	XLRL Năm học	Mã lớp	Khoa
262	CQ11DH0036	Trần Công	Nghĩa	CNPM K11	82	82	82,0	Tốt	CNTT01	CNTT
263	CQ11DH0032	Đoàn Hoa	Vinh	CNPM K11	85	63	74,0	Khá	CNTT01	CNTT
264	LA11DH0013	Phainakhone	Phetsithone	CNPM K11	64	80	72,0	Khá	CNTT01	CNTT
265	CQ12DH0096	Đình Công	Duy	CNPM K12	74	69	71,5	Khá	CNTT01	CNTT
266	CQ12DH0058	Cao Tiến	Đạt	CNPM K12	95	88	91,5	XS	CNTT01	CNTT
267	CQ12DH0060	Vũ Đình	Hải	CNPM K12	68	66	67,0	Khá	CNTT01	CNTT
268	CQ12DH0098	Phạm Văn	Hiệp	CNPM K12	80	81	80,5	Tốt	CNTT01	CNTT
269	CQ12DH0125	Nguyễn Như Huy	Hoàng	CNPM K12	82	83	82,5	Tốt	CNTT01	CNTT
270	CQ12DH0145	Nguyễn Thành	Luân	CNPM K12	77	80	78,5	Khá	CNTT01	CNTT
271	CQ12DH0093	Hoàng Tiêu	Phong	CNPM K12	88	86	87,0	Tốt	CNTT01	CNTT
272	CQ12DH0119	Vũ Duy	Phong	CNPM K12	85	84	84,5	Tốt	CNTT01	CNTT
273	LA12DH0030	Xamthong	Maevankham	CNPM K12	85	84	84,5	Tốt	CNTT01	CNTT
274	LA12DH0012	Vilavanh	Somsouly	CNPM K12	86	85	85,5	Tốt	CNTT01	CNTT
275	CQ12DH0092	Trần Huy	Bằng	MMT K12	84	84	84,0	Tốt	CNTT01	CNTT
276	CQ12DH0097	Đình Hoàng	Hung	MMT K12	84	82	83,0	Tốt	CNTT01	CNTT
277	CQ12DH0094	Đoàn Văn	Khuê	MMT K12	83	80	81,5	Tốt	CNTT01	CNTT
278	CQ12DH0142	Đỗ Văn	Tài	MMT K12	87	86	86,5	Tốt	CNTT01	CNTT
279	CQ12DH0095	Vũ Minh	Thắng	MMT K12	65	50	57,5	TB	CNTT01	CNTT
280	CQ13DH0364	Hoàng Văn	Chinh	CNPM K13	79	81	80,0	Tốt	CNTT01	CNTT
281	CQ13DH0088	Lê Tiến	Đạt	CNPM K13	85	86	85,5	Tốt	CNTT01	CNTT
282	CQ13DH0429	Chu Tiến	Đoàn	CNPM K13	82	84	83,0	Tốt	CNTT01	CNTT
283	CQ13DH0072	Trương Thành	Lộc	CNPM K13	82	82	82,0	Tốt	CNTT01	CNTT
284	CQ13DH0091	Vũ Đức	Thắng	CNPM K13	82	83	82,5	Tốt	CNTT01	CNTT
285	CQ13DH0084	Vũ Văn	Trung	CNPM K13	94	90	92,0	XS	CNTT01	CNTT
286	CQ13DH0370	Đình Quang	Tuấn	CNPM K13	85	84	84,5	Tốt	CNTT01	CNTT
287	CQ13DH0323	Bùi Huy	Việt	CNPM K13	81	83	82,0	Tốt	CNTT01	CNTT
288	LA13DH0015	Bang	Phonevilay	CNPM K13	81	83	82,0	Tốt	CNTT01	CNTT
289	LA13DH0014	Vanxay	Vangchuemoua	CNPM K13	85	84	84,5	Tốt	CNTT01	CNTT
290	CQ14DH0041	Nguyễn Thanh	Bình	CNPM K14	91	80	85,5	Tốt	CNTT02	CNTT
291	CQ14DH0274	Hoàng Minh	Chiến	CNPM K14	91	83	87,0	Tốt	CNTT02	CNTT
292	CQ14DH0148	Nguyễn Hồng	Dương	CNPM K14	88	83	85,5	Tốt	CNTT02	CNTT
293	CQ14DH0319	Trần Minh	Hiếu	CNPM K14	88	20	54,0	TB	CNTT02	CNTT
294	CQ14DH0305	Bùi Mạnh	Hiếu	CNPM K14	91	20	55,5	TB	CNTT02	CNTT
295	CQ14DH0083	Phạm Hoàng	Huy	CNPM K14	88	83	85,5	Tốt	CNTT02	CNTT
296	CQ14DH0279	Nguyễn Quang	Khải	CNPM K14	91	90	90,5	XS	CNTT02	CNTT
297	CQ14DH0267	Nguyễn Văn	Luân	CNPM K14	88	70	79,0	Khá	CNTT02	CNTT
298	CQ14DH0001	Trần Thu	Nga	CNPM K14	88	85	86,5	Tốt	CNTT02	CNTT
299	CQ14DH0275	Hà Hồng	Nhân	CNPM K14	88	85	86,5	Tốt	CNTT02	CNTT
300	CQ14DH0306	Hoàng Văn	Thạch	CNPM K14	91	82	86,5	Tốt	CNTT02	CNTT
301	CQ14DH0134	Nguyễn Xuân	Thắng	CNPM K14	88	88	88,0	Tốt	CNTT02	CNTT
302	CQ14DH0303	Chu Sỹ	Toàn	CNPM K14	91	82	86,5	Tốt	CNTT02	CNTT
303	CQ14DH0032	Vũ Văn	Trung	CNPM K14	93	85	89,0	Tốt	CNTT02	CNTT
304	CQ14DH0323	Nguyễn Văn	Trúc	CNPM K14	91	80	85,5	Tốt	CNTT02	CNTT
305	LA14DH0001	Soulideth	Chang	MMTK14	91	80	85,5	Tốt	CNTT02	CNTT
306	LA14DH0016	Phommady	Chilasack	MMTK14	91	80	85,5	Tốt	CNTT02	CNTT
307	LA14DH0002	Mittaphab	Douangchamnpa	MMTK14	88	81	84,5	Tốt	CNTT02	CNTT
308	LA14DH0003	Seng	Hervaxeng	MMTK14	88	80	84,0	Tốt	CNTT02	CNTT
309	LA14DH0004	Anousith	Keoking	MMTK14	91	87	89,0	Tốt	CNTT02	CNTT
310	LA14DH0011	Xaiyalard	Khampranisong	MMTK14	88	80	84,0	Tốt	CNTT02	CNTT
311	LA14DH0012	Phonepadith	Phandala	MMTK14	88	83	85,5	Tốt	CNTT02	CNTT
312	LA14DH0008	Chansavath	Phonthachack	MMTK14	91	85	88,0	Tốt	CNTT02	CNTT
313	LA14DH0009	Bounchan	Souksithi	MMTK14	91	80	85,5	Tốt	CNTT02	CNTT
314	LA14DH0010	Sinthana	Thammavong	MMTK14	91	80	85,5	Tốt	CNTT02	CNTT

STT	MÃ SV	Họ	Tên	Lớp chuyên ngành	Điểm RL HK1	Điểm RL HK1	Điểm RLHK2	XLRL Năm học	Mã lớp	Khoa
315	CQ14DH0307	Nguyễn Đức	Đạt	MMT K14	91	20	55,5	TB	CNTT02	CNTT
316	CQ14DH0124	Nguyễn Trung	Kiên	MMT K14	88	72	80,0	Tốt	CNTT02	CNTT
317	CQ14DH0176	Phan Thị Khánh	Linh	MMT K14	88	81	84,5	Tốt	CNTT02	CNTT
318	CQ14DH0164	Lê Hồng	Ngọc	MMT K14	88	88	88,0	Tốt	CNTT02	CNTT
319	CQ14DH0120	Tiến	Phát	MMT K14	88	86	87,0	Tốt	CNTT02	CNTT
320	CQ14DH0223	Bùi Duy	Thắng	MMT K14	91	83	87,0	Tốt	CNTT02	CNTT
321	CQ14DH0132	Đỗ Minh	Trường	MMT K14	91	80	85,5	Tốt	CNTT02	CNTT
322	CQ14DH0122	Lâm Thanh	Tuấn	MMT K14	88	85	86,5	Tốt	CNTT02	CNTT
323	CQ14DH0233	Nguyễn Trần	Vũ	MMT K14	88	82	85,0	Tốt	CNTT02	CNTT
324	CQ14DH0222	Dương Thế	Vũ	MMT K14	88	82	85,0	Tốt	CNTT02	CNTT
325	CQ13DH0028	Nguyễn Ngọc	Anh	Kế toán K13	80	80	80,0	Tốt	KINHTE06	Kinh tế
326	CQ13DH0016	Nguyễn Thị Vân	Anh	Kế toán K13	92	92	92,0	XS	KINHTE06	Kinh tế
327	CQ13DH0438	Nguyễn Tuấn	Anh	Kế toán K13	80	80	80,0	Tốt	KINHTE06	Kinh tế
328	CQ13DH0412	Vũ Trung	Anh	Kế toán K13	95	93	94,0	XS	KINHTE06	Kinh tế
329	CQ13DH0050	Cao Ngọc	Ánh	Kế toán K13	79	90	84,5	Tốt	KINHTE06	Kinh tế
330	CQ13DH0054	Vũ Ngọc	Ánh	Kế toán K13	80	80	80,0	Tốt	KINHTE06	Kinh tế
331	CQ13DH0456	Đặng Văn	Bình	Kế toán K13	92	92	92,0	XS	KINHTE06	Kinh tế
332	CQ13DH0035	Nguyễn Thị	Bình	Kế toán K13	92	92	92,0	XS	KINHTE06	Kinh tế
333	CQ13DH0057	Nguyễn Linh	Chi	Kế toán K13	82	80	81,0	Tốt	KINHTE06	Kinh tế
334	CQ13DH0147	La Hồng	Dung	Kế toán K13	80	80	80,0	Tốt	KINHTE06	Kinh tế
335	CQ13DH0049	Phùng Văn	Đồng	Kế toán K13	85	90	87,5	Tốt	KINHTE06	Kinh tế
336	CQ13DH0019	Quách Thu	Hiền	Kế toán K13	90	93	91,5	XS	KINHTE06	Kinh tế
337	LA13DH0013	Soulasack	Inthaxay	Kế toán K13	80	80	80,0	Tốt	KINHTE06	Kinh tế
338	CQ13DH0362	Nguyễn Thị Thanh	Lam	Kế toán K13	82	85	83,5	Tốt	KINHTE06	Kinh tế
339	CQ13DH0063	Giang Thị Khánh	Linh	Kế toán K13	90	92	91,0	XS	KINHTE06	Kinh tế
340	CQ13DH0293	Nguyễn Hoài	Linh	Kế toán K13	92	92	92,0	XS	KINHTE06	Kinh tế
341	CQ13DH0005	Nguyễn Thùy	Linh	Kế toán K13	85	87	86,0	Tốt	KINHTE06	Kinh tế
342	LA13DH0012	Kounda	Meexai	Kế toán K13	85	90	87,5	Tốt	KINHTE06	Kinh tế
343	CQ13DH0360	Vũ Thị Mỹ	Ngọc	Kế toán K13	90	90	90,0	XS	KINHTE06	Kinh tế
344	CQ13DH0303	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	Kế toán K13	80	80	80,0	Tốt	KINHTE06	Kinh tế
345	LA13DH0010	Cheuy	Phonemaisee	Kế toán K13	87	90	88,5	Tốt	KINHTE06	Kinh tế
346	CQ13DH0003	Đỗ Văn	Phòng	Kế toán K13	90	90	90,0	XS	KINHTE06	Kinh tế
347	CQ13DH0006	Hoàng Hữu	Phú	Kế toán K13	95	95	95,0	XS	KINHTE06	Kinh tế
348	CQ13DH0053	Bùi Đình Như	Quỳnh	Kế toán K13	85	90	87,5	Tốt	KINHTE06	Kinh tế
349	LA13DH0011	Maita	Seesompheng	Kế toán K13	85	90	87,5	Tốt	KINHTE06	Kinh tế
350	CQ13DH0144	Ninh Thị	Tâm	Kế toán K13	80	80	80,0	Tốt	KINHTE06	Kinh tế
351	CQ13DH0061	Phạm Thị	Thúy	Kế toán K13	80	83	81,5	Tốt	KINHTE06	Kinh tế
352	CQ13DH0009	Từ Thu	Thương	Kế toán K13	87	90	88,5	Tốt	KINHTE06	Kinh tế
353	CQ13DH0440	Chung Thị Kiều	Trang	Kế toán K13	82	85	83,5	Tốt	KINHTE06	Kinh tế
354	CQ13DH0342	Đào Thu	Trang	Kế toán K13	87	90	88,5	Tốt	KINHTE06	Kinh tế
355	CQ13DH0307	Lê Thị Huyền	Trang	Kế toán K13	85	90	87,5	Tốt	KINHTE06	Kinh tế
356	CQ13DH0040	Vũ Thị Kiều	Trang	Kế toán K13	85	92	88,5	Tốt	KINHTE06	Kinh tế
357	CQ12DH0150	Đỗ Kim	Anh	Kế toán K12	85	75	80,0	Tốt	KINHTE05	Kinh tế
358	CQ12DH0068	Phạm Thị Ngọc	Anh	Kế toán K12	80	77	78,5	Khá	KINHTE05	Kinh tế
359	CQ12DH0072	Vũ Thị Huệ	Anh	Kế toán K12	90	90	90,0	XS	KINHTE05	Kinh tế
360	CQ12DH0065	Hoàng Thị	Ánh	Kế toán K12	73	78	75,5	Khá	KINHTE05	Kinh tế
361	CQ12DH0081	Đàm Thị Hương	Giang	Kế toán K12	87	85	86,0	Tốt	KINHTE05	Kinh tế
362	CQ12DH0144	Phạm Thị Thu	Hà	Kế toán K12	80	80	80,0	Tốt	KINHTE05	Kinh tế
363	CQ12DH0070	Cao Thị Thu	Hằng	Kế toán K12	89	86	87,5	Tốt	KINHTE05	Kinh tế
364	CQ12DH0135	Nguyễn Minh	Hòa	Kế toán K12	85	78	81,5	Tốt	KINHTE05	Kinh tế
365	CQ12DH0077	Ngô Thị Thu	Huyền	Kế toán K12	75	77	76,0	Khá	KINHTE05	Kinh tế
366	CQ12DH0113	Nguyễn Thị Ngọc Ly		Kế toán K12	80	87	83,5	Tốt	KINHTE05	Kinh tế
367	CQ12DH0066	Kim Phương	Ngân	Kế toán K12	93	92	92,5	XS	KINHTE05	Kinh tế

STT	MÃ SV	Họ	Tên	Lớp chuyên ngành	Điểm RL HK1	Điểm RL HK1	Điểm RLHK2	XLRL Năm học	Mã lớp	Khoa
368	CQ12DH0062	Trần Thị Mỹ	Nhung	Kế toán K12	80	78	79,0	Khá	KINHTE05	Kinh tế
369	CQ12DH0069	Phạm Hải	Ninh	Kế toán K12	83	77	80,0	Tốt	KINHTE05	Kinh tế
370	CQ12DH0073	Hoàng Thọ	Tùng Sơn	Kế toán K12	75	70	72,5	Khá	KINHTE05	Kinh tế
371	CQ12DH0082	Nguyễn Thị Minh	Tâm	Kế toán K12	90	90	90,0	XS	KINHTE05	Kinh tế
372	CQ12DH0063	Đường Hương	Thảo	Kế toán K12	80	85	82,5	Tốt	KINHTE05	Kinh tế
373	CQ12DH0149	Lê Thị Phương	Thảo	Kế toán K12	90	75	82,5	Tốt	KINHTE05	Kinh tế
374	CQ12DH0078	Ứng Thị Phương	Thảo	Kế toán K12	90	92	91,0	XS	KINHTE05	Kinh tế
375	CQ12DH0076	Lê Thu	Trang	Kế toán K12	80	90	85,0	Tốt	KINHTE05	Kinh tế
376	CQ11DH0020	Lại Thị Ngọc	Anh	Kế toán K11	95	95	95,0	XS	KINHTE04	Kinh tế
377	CQ11DH0098	Thân Thị Ngọc	Anh	Kế toán K11	95	95	95,0	XS	KINHTE04	Kinh tế
378	CQ11DH0008	Phùng Nguyễn	Bình	Kế toán K11	95	95	95,0	XS	KINHTE04	Kinh tế
379	CQ11DH0021	Trần Thị Tứ	Bình	Kế toán K11	95	95	95,0	XS	KINHTE04	Kinh tế
380	CQ11DH0120	Ngô Tuấn	Dương	Kế toán K11	82	82	82,0	Tốt	KINHTE04	Kinh tế
381	CQ11DH0136	Hoàng Thu	Hà	Kế toán K11	90	94	92,0	XS	KINHTE04	Kinh tế
382	CQ11DH0092	Tạ Quân	Hải	Kế toán K11	80	80	80,0	Tốt	KINHTE04	Kinh tế
383	CQ11DH0015	Lý Thị	Hiên	Kế toán K11	90	94	92,0	XS	KINHTE04	Kinh tế
384	CQ11DH0024	Nguyễn Đức	Hoàng	Kế toán K11	80	82	81,0	Tốt	KINHTE04	Kinh tế
385	CQ11DH0001	Vũ Thị	Hồng	Kế toán K11	95	93	94,0	XS	KINHTE04	Kinh tế
386	CQ11DH0018	Nguyễn Thanh	Hương	Kế toán K11	93	95	94,0	XS	KINHTE04	Kinh tế
387	CQ11DH0085	Phạm Thanh	Hương	Kế toán K11	95	95	95,0	XS	KINHTE04	Kinh tế
388	CQ11DH0012	Nguyễn Trung	Kiên	Kế toán K11	90	86	88,0	Tốt	KINHTE04	Kinh tế
389	CQ11DH0002	Trịnh Hoàng	Lương	Kế toán K11	80	80	80,0	Tốt	KINHTE04	Kinh tế
390	CQ11DH0014	Lương Hà	Linh	Kế toán K11	90	88	89,0	Tốt	KINHTE04	Kinh tế
391	CQ11DH0023	Đoàn Thực	Mai	Kế toán K11	92	92	92,0	XS	KINHTE04	Kinh tế
392	CQ11DH0004	Nguyễn Thị	My	Kế toán K11	90	88	89,0	Tốt	KINHTE04	Kinh tế
393	CQ11DH0016	Phạm Thị Minh	Nguyệt	Kế toán K11	95	95	95,0	XS	KINHTE04	Kinh tế
394	CQ11DH0019	Bùi Thị Hồng	Nhung	Kế toán K11	85	91	88,0	Tốt	KINHTE04	Kinh tế
395	CQ11DH0017	Nguyễn Thị	Nhung	Kế toán K11	98	96	97,0	XS	KINHTE04	Kinh tế
396	CQ11DH0006	Nguyễn Thu	Phương	Kế toán K11	85	91	88,0	Tốt	KINHTE04	Kinh tế
397	CQ11DH0022	Trần Thị	Phượng	Kế toán K11	88	90	89,0	Tốt	KINHTE04	Kinh tế
398	CQ11DH0003	Phạm Thị	Quỳnh	Kế toán K11	90	90	90,0	XS	KINHTE04	Kinh tế
399	CQ11DH0005	Hoàng Tiên	Sinh	Kế toán K11	72	74	73,0	Khá	KINHTE04	Kinh tế
400	CQ11DH0112	Phạm Thị Quỳnh	Trang	Kế toán K11	93	93	93,0	XS	KINHTE04	Kinh tế
401	CQ11DH0091	Vũ Đăng	Trọng	Kế toán K11	80	82	81,0	Tốt	KINHTE04	Kinh tế
402	CQ11DH0086	Trần Thị Thu	Vân	Kế toán K11	90	90	90,0	XS	KINHTE04	Kinh tế
403	LA11DH0016	Khamlar	Siphanhach	Kế toán K11	95	95	95,0	XS	KINHTE04	Kinh tế
404	LA11DH0014	Khanthong	Sonelamany	Kế toán K11	95	95	95,0	XS	KINHTE04	Kinh tế
405	LA11DH0015	Phetmany	Bounphavanh	Kế toán K11	90	94	92,0	XS	KINHTE04	Kinh tế
406	LA11DH0017	Phonesavanh	Zuenphanh	Kế toán K11	90	92	91,0	XS	KINHTE04	Kinh tế
407	LTCQ13DH03	Nguyễn Lê	Giang	LT kế toán K13	85	85	85,0	Tốt	KINHTE04	Kinh tế
408	LTCQ13DH06	Vũ Thị	Thiệp	LT kế toán K13	80	72	76,0	Khá	KINHTE04	Kinh tế
409	CQ11DH0027	Vũ Văn	Duyệt	TC doanh nghiệp K11	90	95	92,5	XS	KINHTE02	Kinh tế
410	CQ11DH0099	Nguyễn Trọng	Đạt	TC doanh nghiệp K11	75	69	72,0	Khá	KINHTE02	Kinh tế
411	CQ11DH0131	Đinh Thị Phương	Thảo	TC doanh nghiệp K11	88	83	85,5	Tốt	KINHTE02	Kinh tế
412	LA11DH0030	Moukkham	Chanthala	TC doanh nghiệp K11	90	85	87,5	Tốt	KINHTE02	Kinh tế
413	LA11DH0026	Inphone	Keo Oudom	TC doanh nghiệp K11	88	83	85,5	Tốt	KINHTE02	Kinh tế
414	LA11DH0031	Pathoumma	Keopaseuth	TC doanh nghiệp K11	88	83	85,5	Tốt	KINHTE02	Kinh tế
415	LA11DH0025	Chanthayout	Khongsavath	TC doanh nghiệp K11	79	88	83,5	Tốt	KINHTE02	Kinh tế
416	LA11DH0033	Thipphakone	Kongsanith	TC doanh nghiệp K11	88	83	85,5	Tốt	KINHTE02	Kinh tế
417	LA11DH0027	Ketsana	Laomouaxiong	TC doanh nghiệp K11	88	83	85,5	Tốt	KINHTE02	Kinh tế
418	LA11DH0032	Phetsaboun	Savatphai	TC doanh nghiệp K11	88	83	85,5	Tốt	KINHTE02	Kinh tế
419	LA11DH0028	Phoutthasack	Sengdalay	TC doanh nghiệp K11	88	83	85,5	Tốt	KINHTE02	Kinh tế
420	LA11DH0029	Khaek	Sonsouvanh	TC doanh nghiệp K11	88	83	85,5	Tốt	KINHTE02	Kinh tế

STT	MÃ SV	Họ	Tên	Lớp chuyên ngành	Điểm RL HK1	Điểm RL HK1	Điểm RLHK2	XLRL Năm học	Mã lớp	Khoa
421	LA11DH0023	Nitdavanh	Sykhamxai	TC doanh nghiệp K11	88	83	85,5	Tốt	KINHTE02	Kinh tế
422	LA11DH0001	Somsak	Vanyalak	TC doanh nghiệp K11	90	85	87,5	Tốt	KINHTE02	Kinh tế
423	LA11DH0024	Sinnaly	Xayvungmeuang	TC doanh nghiệp K11	90	85	87,5	Tốt	KINHTE02	Kinh tế
424	CQ12DH0109	Phạm Thị Thu	Hà	TC doanh nghiệp K12	90	85	87,5	Tốt	KINHTE02	Kinh tế
425	CQ12DH0115	Lê Thị Trang	Nhung	TC doanh nghiệp K12	90	95	92,5	XS	KINHTE02	Kinh tế
426	LA12DH0018	Khamita	Chanthasith	TC doanh nghiệp K12	85	85	85,0	Tốt	KINHTE02	Kinh tế
427	LA12DH0022	Visouda	Keokenchanh	TC doanh nghiệp K12	93	88	90,5	XS	KINHTE02	Kinh tế
428	LA12DH0023	Somphavone	Keosavath	TC doanh nghiệp K12	75	45	60,0	TB	KINHTE02	Kinh tế
429	LA12DH0017	Anouvong	Kounlavouth	TC doanh nghiệp K12	79	88	83,5	Tốt	KINHTE02	Kinh tế
430	LA12DH0021	Bounthala	Shaykhamthone	TC doanh nghiệp K12	88	83	85,5	Tốt	KINHTE02	Kinh tế
431	LA12DH0020	Pavina	Souvanthong	TC doanh nghiệp K12	88	83	85,5	Tốt	KINHTE02	Kinh tế
432	LA12DH0019	Minthida	Thilasack	TC doanh nghiệp K12	88	83	85,5	Tốt	KINHTE02	Kinh tế
433	CQ13DH0130	Trần Nhật	Hoàng	TC doanh nghiệp K13	95	90	92,5	XS	KINHTE02	Kinh tế
434	CQ13DH0131	Trần Thị	Thùy	TC doanh nghiệp K13	88	83	85,5	Tốt	KINHTE02	Kinh tế
435	LA13DH0004	Soudalath	Daly	TC doanh nghiệp K13	88	83	85,5	Tốt	KINHTE02	Kinh tế
436	LA13DH0002	Phonethida	Douangmany	TC doanh nghiệp K13	88	83	85,5	Tốt	KINHTE02	Kinh tế
437	LA13DH0003	Chilaphanh	Mangkhalā	TC doanh nghiệp K13	88	83	85,5	Tốt	KINHTE02	Kinh tế
438	LA13DH0008	Bouavone	Phanthabouasy	TC doanh nghiệp K13	78	63	70,5	Khá	KINHTE02	Kinh tế
439	LA13DH0022	Lai on	Souliyasack	TC doanh nghiệp K13	88	83	85,5	Tốt	KINHTE02	Kinh tế
440	CQ13DH0462	Cao Thị Thùy	An	TC doanh nghiệp K13	82	83	82,5	Tốt	KINHTE02	Kinh tế
441	CQ11DH0121	Đỗ Quốc	Bình	QTKD K11	85	10	47,5	Yếu	KINHTE01	Kinh tế
442	LA11DH0022	Phimmasone	Khamphanpheng	QTKD K11	90	90	90,0	XS	KINHTE01	Kinh tế
443	CQ11DH0025	Lê Xuân	Khương	QTKD K11	85	80	82,5	Tốt	KINHTE01	Kinh tế
444	CQ11DH0028	Ninh Văn	Nghĩa	QTKD K11	85	85	85,0	Tốt	KINHTE01	Kinh tế
445	LACQ12DH13	Manivanh	Yotsavath	QTKD K11	88	90	89,0	Tốt	KINHTE01	Kinh tế
446	CQ12DH0147	Đỗ Quốc	Cường	QTKD K12	85	85	85,0	Tốt	KINHTE01	Kinh tế
447	CQ12DH0059	Trần Khánh	Duy	QTKD K12	85	85	85,0	Tốt	KINHTE01	Kinh tế
448	CQ12DH0126	Trần Hoàng	Hải	QTKD K12	73	64	68,5	Khá	KINHTE01	Kinh tế
449	CQ12DH0101	Nguyễn Xuân	Hiếu	QTKD K12	78	80	79,0	Khá	KINHTE01	Kinh tế
450	CQ12DH0107	Nguyễn Văn	Nghĩa	QTKD K12	83	80	81,5	Tốt	KINHTE01	Kinh tế
451	LA12DH0014	Melamith	Phommavong	QTKD K12	88	85	86,5	Tốt	KINHTE01	Kinh tế
452	CQ12DH0102	Vũ Đức	Phúc	QTKD K12	83	85	84,0	Tốt	KINHTE01	Kinh tế
453	CQ12DH0106	Đàm Quang	Rồng	QTKD K12	83	85	84,0	Tốt	KINHTE01	Kinh tế
454	CQ12DH0104	Nguyễn Thanh	Thùy	QTKD K12	93	90	91,5	XS	KINHTE01	Kinh tế
455	CQ12DH0061	Bùi Văn	Tiến	QTKD K12	63	60	61,5	TB	KINHTE01	Kinh tế
456	CQ12DH0116	Vũ Huyền	Trang	QTKD K12	83	83	83,0	Tốt	KINHTE01	Kinh tế
457	LA12DH0016	Soudalin	Vilaisack	QTKD K12	90	90	90,0	XS	KINHTE01	Kinh tế
458	LA12DH0015	Namfon	Vongsonephet	QTKD K12	83	85	84,0	Tốt	KINHTE01	Kinh tế
459	CQ13DH0347	Nguyễn Văn	Đồng	QTKD K13	78	85	81,5	Tốt	KINHTE01	Kinh tế
460	CQ13DH0463	Nguyễn Trường	Giang	QTKD K13	78	85	81,5	Tốt	KINHTE01	Kinh tế
461	CQ13DH0064	Nguyễn Huy	Hoàng	QTKD K13	95	90	92,5	XS	KINHTE01	Kinh tế
462	CQ13DH0367	Trần Quang	Hung	QTKD K13	83	80	81,5	Tốt	KINHTE01	Kinh tế
463	CQ13DH0125	Nguyễn Thị Thu	Hường	QTKD K13	100	95	97,5	XS	KINHTE01	Kinh tế
464	CQ13DH0116	Nguyễn Thái	Son	QTKD K13	78	80	79,0	Khá	KINHTE01	Kinh tế
465	CQ13DH0103	Nguyễn Thị Thu	Thảo	QTKD K13	90	90	90,0	XS	KINHTE01	Kinh tế
466	CQ13DH0419	Dương Ngọc	Thùy	QTKD K13	95	95	95,0	XS	KINHTE01	Kinh tế
467	LA13DH0021	Noukdavanh	Klamnouan	QTKD K13	88	85	86,5	Tốt	KINHTE01	Kinh tế
468	CQ13DH0132	Phạm Thị	Hải	QTDLK13	78	75	76,5	Khá	KINHTE01	Kinh tế
469	CQ13DH0110	Nguyễn Ngọc	Hiếu	QTDLK13	83	85	84,0	Tốt	KINHTE01	Kinh tế
470	CQ13DH0420	Đào Xuân	Long	QTDLK13	80	25	52,5	TB	KINHTE01	Kinh tế
471	CQ13DH0306	Lê Thị Hoài	Ngọc	QTDLK13	73	75	74,0	Khá	KINHTE01	Kinh tế
472	CQ13DH0126	Lê Hải	Yến	QTDLK13	88	85	86,5	Tốt	KINHTE01	Kinh tế
473	CQ14DH0035	Trần Việt	Anh	QTKDK14	85	88	86,5	Tốt	KHCB02	KHCB

STT	MÃ SV	Họ	Tên	Lớp chuyên ngành	Điểm RL HK1	Điểm RL HK1	Điểm RLHK2	XLRL Năm học	Mã lớp	Khoa
474	CQ14DH0193	Lê Ngọc	Chiến	QTKDK14	85	88	86,5	Tốt	KHCB02	KHCB
475	CQ14DH0091	Lương Quang	Chiến	QTKDK14	85	83	84,0	Tốt	KHCB02	KHCB
476	CQ14DH0266	Nguyễn Mạnh	Cường	QTKDK14	85	88	86,5	Tốt	KHCB02	KHCB
477	CQ14DH0179	Chu Bá	Đức	QTKDK14	85	88	86,5	Tốt	KHCB02	KHCB
478	CQ14DH0213	Nguyễn Thị	Giang	QTKDK14	85	84	84,5	Tốt	KHCB02	KHCB
479	CQ14DH0284	Nguyễn Thị	Hạnh	QTKDK14	90	93	91,5	XS	KHCB02	KHCB
480	CQ14DH0234	Nguyễn Ngọc	Hiếu	QTKDK14	85	88	86,5	Tốt	KHCB02	KHCB
481	CQ14DH0118	Phạm Xuân	Hoàng	QTKDK14	90	92	91,0	XS	KHCB02	KHCB
482	CQ14DH0329	Trần Khánh	Hung	QTKDK14	60	75	67,5	Khá	KHCB02	KHCB
483	CQ14DH0153	Đinh Đức	Mạnh	QTKDK14	85	88	86,5	Tốt	KHCB02	KHCB
484	CQ14DH0003	Nguyễn Thị Hồng	Ngát	QTKDK14	85	88	86,5	Tốt	KHCB02	KHCB
485	CQ14DH0191	Đỗ Đức	Ngọc	QTKDK14	85	86	85,5	Tốt	KHCB02	KHCB
486	CQ14DH0164	LÊ HỒNG	Ngọc	QTKDK14	85	86	85,5	Tốt	KHCB02	KHCB
487	CQ14DH0298	Bùi Văn	Phương	QTKDK14	85	88	86,5	Tốt	KHCB02	KHCB
488	CQ14DH0059	Đào Anh	Quang	QTKDK14	85	88	86,5	Tốt	KHCB02	KHCB
489	CQ14DH0078	Đinh Văn	Son	QTKDK14	85	88	86,5	Tốt	KHCB02	KHCB
490	CQ14DH0207	Chu Thị	Thương	QTKDK14	85	88	86,5	Tốt	KHCB02	KHCB
491	CQ14DH0270	Bùi Đình	Trung	QTKDK14	85	88	86,5	Tốt	KHCB02	KHCB
492	CQ14DH0300	Đức Thị Hải	Yến	QTKDK14	87	93	90,0	XS	KHCB02	KHCB
493	CQ14DH0067	Trần Hoàng	Tú	QTKDK14	87	88	87,5	Tốt	KHCB02	KHCB
494	CQ14DH0096	Đặng Việt	Anh	TCDNK14	85	0	42,5	Yếu	KHCB02	KHCB
495	CQ14DH0280	Nguyễn Thị Hươn	Giang	TCDNK14	85	88	86,5	Tốt	KHCB02	KHCB
496	CQ14DH0271	Phạm Thị Thanh	Hiền	TCDNK14	85	88	86,5	Tốt	KHCB02	KHCB
497	CQ14DH0074	Hà Duy	Hung	TCDNK14	65	0	32,5	Yếu	KHCB02	KHCB
498	CQ14DH0206	Nguyễn Phương	Mai	TCDNK14	85	88	86,5	Tốt	KHCB02	KHCB
499	CQ14DH0299	Nguyễn Thái	Son	TCDNK14	90	0	45,0	Yếu	KHCB02	KHCB
500	CQ14DH0304	Lý ánh	Tuyền	TCDNK14	85	63	74,0	Khá	KHCB02	KHCB
501	CQ14DH0159	Hoàng Thị	Quỳnh	TCDNK14	85	87	86,0	Tốt	KHCB02	KHCB
502	CQ14DH0217	Nguyễn Thanh	Bình	CK Ô tô K14	88	88	88,0	Tốt	KHCB05	KHCB
503	CQ14DH0109	Nguyễn Việt	Dũng	CK Ô tô K14	82	81	81,5	Tốt	KHCB05	KHCB
504	CQ14DH0093	Lê Bình	Dương	CK Ô tô K14	83	83	83,0	Tốt	KHCB05	KHCB
505	CQ14DH0154	Chu Hoàng	Dương	CK Ô tô K14	81	81	81,0	Tốt	KHCB05	KHCB
506	CQ14DH0020	Nguyễn Thiên	Dương	CK Ô tô K14	83	83	83,0	Tốt	KHCB05	KHCB
507	CQ14DH0121	Đinh Văn	Đạt	CK Ô tô K14	79	79	79,0	Khá	KHCB05	KHCB
508	CQ14DH0110	Trần Quang	Đạt	CK Ô tô K14	81	81	81,0	Tốt	KHCB05	KHCB
509	CQ14DH0054	Đỗ Thượng	Đinh	CK Ô tô K14	86	83	84,5	Tốt	KHCB05	KHCB
510	CQ14DH0055	Trịnh Đức	Đông	CK Ô tô K14	80	81	80,5	Tốt	KHCB05	KHCB
511	CQ14DH0097	Ngô Bá	Đức	CK Ô tô K14	83	83	83,0	Tốt	KHCB05	KHCB
512	CQ14DH0167	Trần Mạnh	Hiếu	CK Ô tô K14	83	83	83,0	Tốt	KHCB05	KHCB
513	CQ14DH0158	Nguyễn Việt	Hoàng	CK Ô tô K14	80	0	40,0	Yếu	KHCB05	KHCB
514	CQ14DH0037	Trịnh Quốc	Hùng	CK Ô tô K14	81	81	81,0	Tốt	KHCB05	KHCB
515	CQ14DH0219	Hoàng Duy	Khánh	CK Ô tô K14	78	79	78,5	Khá	KHCB05	KHCB
516	CQ14DH0131	Trần Trung	Kiên	CK Ô tô K14	81	81	81,0	Tốt	KHCB05	KHCB
517	CQ14DH0165	Đinh Tùng	Lâm	CK Ô tô K14	81	78	79,5	Khá	KHCB05	KHCB
518	CQ14DH0026	Nguyễn	Nam	CK Ô tô K14	81	82	81,5	Tốt	KHCB05	KHCB
519	CQ14DH0254	Cao Văn	Nghị	CK Ô tô K14	86	81	83,5	Tốt	KHCB05	KHCB
520	CQ14DH0239	Nguyễn Trọng	Nghĩa	CK Ô tô K14	79	79	79,0	Khá	KHCB05	KHCB
521	CQ14DH0138	Nguyễn Huy	Phúc	CK Ô tô K14	90	70	80,0	Tốt	KHCB05	KHCB
522	CQ14DH0013	Nguyễn Ngọc	Quảng	CK Ô tô K14	84	81	82,5	Tốt	KHCB05	KHCB
523	CQ14DH0005	Nguyễn Duy	Quân	CK Ô tô K14	81	81	81,0	Tốt	KHCB05	KHCB
524	CQ14DH0017	Phạm Dương	Son	CK Ô tô K14	87	83	85,0	Tốt	KHCB05	KHCB
525	CQ14DH0250	Vi Ngọc	Son	CK Ô tô K14	86	79	82,5	Tốt	KHCB05	KHCB
526	CQ14DH0277	Lương Ngọc	Tân	CK Ô tô K14	86	82	84,0	Tốt	KHCB05	KHCB

STT	MÃ SV	Họ	Tên	Lớp chuyên ngành	Điểm RL HK1	Điểm RL HK1	Điểm RLHK2	XLRL Năm học	Mã lớp	Khoa
527	CQ14DH0004	Nguyễn Vĩnh	Thắng	CK Ô tô K14	83	83	83,0	Tốt	KHCB05	KHCB
528	CQ14DH0156	Bùi Quang	Thắng	CK Ô tô K14	81	83	82,0	Tốt	KHCB05	KHCB
529	CQ14DH0134	Nguyễn Xuân	Thắng	CK Ô tô K14	81	83	82,0	Tốt	KHCB05	KHCB
530	CQ14DH0100	Lê Phước	Thịnh	CK Ô tô K14	81	77	79,0	Khá	KHCB05	KHCB
531	CQ14DH0231	Lê Đức	Thuận	CK Ô tô K14	81	81	81,0	Tốt	KHCB05	KHCB
532	CQ14DH0255	Phạm Văn	Tiến	CK Ô tô K14	81	81	81,0	Tốt	KHCB05	KHCB
533	CQ14DH0155	Nguyễn Văn	Toàn	CK Ô tô K14	83	78	80,5	Tốt	KHCB05	KHCB
534	CQ14DH0162	Nguyễn Văn	Trung	CK Ô tô K14	83	81	82,0	Tốt	KHCB05	KHCB
535	CQ14DH0218	Nguyễn Đình	Trường	CK Ô tô K14	84	81	82,5	Tốt	KHCB05	KHCB
536	CQ14DH0157	Nguyễn Anh	Tú	CK Ô tô K14	83	79	81,0	Tốt	KHCB05	KHCB
537	CQ14DH0051	Quách Minh	Tuấn	CK Ô tô K14	79	76	77,5	Khá	KHCB05	KHCB
538	CQ14DH0249	Nguyễn Văn	Tùng	CK Ô tô K14	81	81	81,0	Tốt	KHCB05	KHCB
539	CQ14DH0247	Vũ Văn	Tuyên	CK Ô tô K14	81	78	79,5	Khá	KHCB05	KHCB
540	CQ14DH0248	Phạm Văn	Vinh	CK Ô tô K14	81	81	81,0	Tốt	KHCB05	KHCB
541	CQ14DH0268	Nguyễn Hoàng	Vũ	CK Ô tô K14	88	80	84,0	Tốt	KHCB05	KHCB
542	CQ14DH0031	Đinh Đức	Anh	TĐH K14	80	80	80,0	Tốt	KHCB04	KHCB
543	CQ14DH0141	Nguyễn Hoàng	Anh	TĐH K14	80	80	80,0	Tốt	KHCB04	KHCB
544	CQ14DH0269	Phan Việt	Anh	TĐH K14	80	80	80,0	Tốt	KHCB04	KHCB
545	CQ14DH0126	Phùng Tuấn	Anh	TĐH K14	95	80	87,5	Tốt	KHCB04	KHCB
546	CQ14DH0259	Vũ Tuấn	Anh	TĐH K14	80	80	80,0	Tốt	KHCB04	KHCB
547	CQ14DH0125	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	TĐH K14	95	95	95,0	XS	KHCB04	KHCB
548	CQ14DH0056	Nguyễn Văn	Bạch	TĐH K14	80	70	75,0	Khá	KHCB04	KHCB
549	CQ14DH0029	Nguyễn Phú	Bằng	TĐH K14	95	95	95,0	XS	KHCB04	KHCB
550	CQ14DH0117	Hoàng Minh	Châu	TĐH K14	80	80	80,0	Tốt	KHCB04	KHCB
551	CQ14DH0151	Nguyễn Mạnh	Chiến	TĐH K14	80	75	77,5	Khá	KHCB04	KHCB
552	CQ14DH0188	Nguyễn Thái	Cương	TĐH K14	80	80	80,0	Tốt	KHCB04	KHCB
553	CQ14DH0330	Nguyễn Đức	Cường	TĐH K14	80	80	80,0	Tốt	KHCB04	KHCB
554	CQ14DH0111	Nguyễn Mạnh	Cường	TĐH K14	80	80	80,0	Tốt	KHCB04	KHCB
555	CQ14DH0099	Trịnh Tiến	Cường	TĐH K14	80	80	80,0	Tốt	KHCB04	KHCB
556	CQ14DH0108	Vũ Văn	Dũng	TĐH K14	80	75	77,5	Khá	KHCB04	KHCB
557	CQ14DH0086	Vũ Xuân	Dũng	TĐH K14	85	75	80,0	Tốt	KHCB04	KHCB
558	CQ14DH0144	Nguyễn Đức	Dương	TĐH K14	85	85	85,0	Tốt	KHCB04	KHCB
559	CQ14DH0063	Phạm Hồng	Dương	TĐH K14	80	75	77,5	Khá	KHCB04	KHCB
560	CQ14DH0060	Ninh Văn	Dương	TĐH K14	80	30	55,0	TB	KHCB04	KHCB
561	CQ14DH0014	Chiu Đức	Đại	TĐH K14	95	64	79,5	Khá	KHCB04	KHCB
562	CQ14DH0226	Nguyễn Thành	Đông	TĐH K14	85	85	85,0	Tốt	KHCB04	KHCB
563	CQ14DH0084	Trần Đại	Đức	TĐH K14	80	10	45,0	Yếu	KHCB04	KHCB
564	CQ14DH0264	Lê Việt	Hà	TĐH K14	95	85	90,0	XS	KHCB04	KHCB
565	CQ14DH0211	Doãn Phú	Hiệp	TĐH K14	80	80	80,0	Tốt	KHCB04	KHCB
566	CQ14DH0242	Phạm Đình	Hiệp	TĐH K14	80	95	87,5	Tốt	KHCB04	KHCB
567	CQ14DH0251	Đào Xuân	Hiếu	TĐH K14	80	90	85,0	Tốt	KHCB04	KHCB
568	CQ14DH0331	Phạm Minh	Hiếu	TĐH K14	85	77	81,0	Tốt	KHCB04	KHCB
569	CQ14DH0273	Tào Trung	Hiếu	TĐH K14	85	85	85,0	Tốt	KHCB04	KHCB
570	CQ14DH0197	Nguyễn Đức	Hoàng	TĐH K14	85	72	78,5	Khá	KHCB04	KHCB
571	CQ14DH0246	Phạm Lê Huy	Hoàng	TĐH K14	80	90	85,0	Tốt	KHCB04	KHCB
572	CQ14DH0302	Nguyễn Thế	Hùng	TĐH K14	80	80	80,0	Tốt	KHCB04	KHCB
573	CQ14DH0285	Vũ Minh	Hùng	TĐH K14	80	80	80,0	Tốt	KHCB04	KHCB
574	CQ14DH0039	Nguyễn Văn	Hung	TĐH K14	80	90	85,0	Tốt	KHCB04	KHCB
575	CQ14DH0015	Phạm Quang	Hung	TĐH K14	80	80	80,0	Tốt	KHCB04	KHCB
576	CQ14DH0210	Cao Nguyễn Duy	Khánh	TĐH K14	80	80	80,0	Tốt	KHCB04	KHCB
577	CQ14DH0317	Mạc Văn	Khánh	TĐH K14	80	30	55,0	TB	KHCB04	KHCB
578	CQ14DH0327	Vũ Văn	Kiên	TĐH K14	85	90	87,5	Tốt	KHCB04	KHCB
579	CQ14DH0053	Tạ Thành	Long	TĐH K14	80	80	80,0	Tốt	KHCB04	KHCB

STT	MÃ SV	Họ	Tên	Lớp chuyên ngành	Điểm RL HK1	Điểm RL HK1	Điểm RLHK2	XLRL Năm học	Mã lớp	Khoa
580	CQ14DH0198	Trần Mạnh Phi	Long	TĐH K14	80	95	87,5	Tốt	KHCB04	KHCB
581	CQ14DH0011	Vũ Đình Lợi		TĐH K14	95	80	87,5	Tốt	KHCB04	KHCB
582	CQ14DH0022	Bùi Công Minh		TĐH K14	80	80	80,0	Tốt	KHCB04	KHCB
583	CQ14DH0194	Đoàn Quang Minh		TĐH K14	80	80	80,0	Tốt	KHCB04	KHCB
584	CQ14DH0245	Lê Quang Minh		TĐH K14	80	80	80,0	Tốt	KHCB04	KHCB
585	CQ14DH0040	Ngô Văn Minh		TĐH K14	80	75	77,5	Khá	KHCB04	KHCB
586	CQ14DH0169	Nguyễn Văn Minh		TĐH K14	80	85	82,5	Tốt	KHCB04	KHCB
587	CQ14DH0224	Trương Chức Phong		TĐH K14	85	80	82,5	Tốt	KHCB04	KHCB
588	CQ14DH0290	Lương Ngọc Phúc		TĐH K14	80	85	82,5	Tốt	KHCB04	KHCB
589	CQ14DH0049	Trần Hoàng Phúc		TĐH K14	85	80	82,5	Tốt	KHCB04	KHCB
590	CQ14DH0087	Lê Nguyễn Duy Phương		TĐH K14	80	75	77,5	Khá	KHCB04	KHCB
591	CQ14DH0209	Nguyễn Minh Phương		TĐH K14	80	95	87,5	Tốt	KHCB04	KHCB
592	CQ14DH0128	Phạm Minh Quang		TĐH K14	80	80	80,0	Tốt	KHCB04	KHCB
593	CQ14DH0114	Đinh Ngọc Quân		TĐH K14	80	95	87,5	Tốt	KHCB04	KHCB
594	CQ14DH0136	Đỗ Xuân Quý		TĐH K14	95	80	87,5	Tốt	KHCB04	KHCB
595	CQ14DH0106	Đoàn Ngọc Sơn		TĐH K14	80	80	80,0	Tốt	KHCB04	KHCB
596	CQ14DH0272	Lăng Quang Sơn		TĐH K14	80	90	85,0	Tốt	KHCB04	KHCB
597	CQ14DH0265	Nguyễn Minh Tân		TĐH K14	80	90	85,0	Tốt	KHCB04	KHCB
598	CQ14DH0139	Ngô Duy Thái		TĐH K14	95	95	95,0	XS	KHCB04	KHCB
599	CQ14DH0068	Phạm Duy Thái		TĐH K14	95	85	90,0	XS	KHCB04	KHCB
600	CQ14DH0150	Nguyễn Tuấn Thành		TĐH K14	85	80	82,5	Tốt	KHCB04	KHCB
601	CQ14DH0281	Triệu Xuân Thủy		TĐH K14	80	80	80,0	Tốt	KHCB04	KHCB
602	CQ14DH0185	Đào Xuân Tiến		TĐH K14	80	72	76,0	Khá	KHCB04	KHCB
603	CQ14DH0088	Nguyễn Đức Tính		TĐH K14	80	80	80,0	Tốt	KHCB04	KHCB
604	CQ14DH0077	Lương Mạnh Toàn		TĐH K14	80	80	80,0	Tốt	KHCB04	KHCB
605	CQ14DH0065	Hoàng Đức Trung		TĐH K14	80	80	80,0	Tốt	KHCB04	KHCB
606	CQ14DH0023	Nguyễn Đình Trung		TĐH K14	80	80	80,0	Tốt	KHCB04	KHCB
607	CQ14DH0309	Tạ Minh Trung		TĐH K14	80	85	82,5	Tốt	KHCB04	KHCB
608	CQ14DH0263	Lê Văn Tú		TĐH K14	85	80	82,5	Tốt	KHCB04	KHCB
609	CQ14DH0113	Nguyễn Đức Tuấn		TĐH K14	80	75	77,5	Khá	KHCB04	KHCB
610	CQ14DH0050	Bùi Anh Tuấn		TĐH K14	75	75	75,0	Khá	KHCB04	KHCB
611	CQ14DH0227	Nguyễn Đình Vân		TĐH K14	80	75	77,5	Khá	KHCB04	KHCB
612	CQ14DH0047	Nguyễn Lang Việt		TĐH K14	80	80	80,0	Tốt	KHCB04	KHCB
613	CQ14DH0034	Đoàn Đình Vũ		TĐH K14	80	80	80,0	Tốt	KHCB04	KHCB
614	CQ14DH0161	Đỗ Thế Việt		TĐH K14	80	80	80,0	Tốt	KHCB04	KHCB
615	LA14DH0030	ALIA XAY	CHUEHERTHOR	Hầm và cầu (Lào) K14	81	79	80,0	Tốt	KHCB07	KHCB
616	LA14DH0035	MAIKHAM	SORSENG	Hầm và cầu (Lào) K14	81	81	81,0	Tốt	KHCB07	KHCB
617	LA14DH0034	FONG	MALEE VONE	Cơ khí ô tô (Lào) K14	80	78	79,0	Khá	KHCB07	KHCB
618	LA14DH0021	NEUK	KONGMANY	KT điện tử (Lào) K14	81	81	81,0	Tốt	KHCB07	KHCB
619	LA14DH0019	CHONG	LAO	KT điện tử (Lào) K14	81	81	81,0	Tốt	KHCB07	KHCB
620	LA14DH0022	PORCHOUA HUEXENG	NENGVALAO	KT điện tử (Lào) K14	80	83	81,5	Tốt	KHCB07	KHCB
621	LA14DH0027	XAISAVANG	THAMMAVONG	KT điện tử (Lào) K14	79	75	77,0	Khá	KHCB07	KHCB
622	LA14DH0023	THIPSAVANH	XAIYALAT	KT điện tử (Lào) K14	81	80	80,5	Tốt	KHCB07	KHCB
623	LA14DH0028	PAPOUY	LORPHENGSY	Kế toán tổng hợp (Lào) K14	81	84	82,5	Tốt	KHCB07	KHCB
624	LA14DH0017	SOMSAVATH	MANITH	Kế toán tổng hợp (Lào) K14	80	75	77,5	Khá	KHCB07	KHCB
625	LA14DH0033	MEPHACHANH	SYLISOMBATH	Kế toán tổng hợp (Lào) K14	81	81	81,0	Tốt	KHCB07	KHCB
626	LA14DH0013	TONSAVAD	THOUMMA	Kế toán tổng hợp (Lào) K14	81	81	81,0	Tốt	KHCB07	KHCB
627	LA14DH0036	XAM	VIMONEKEO	Kế toán tổng hợp (Lào) K14	80	80	80,0	Tốt	KHCB07	KHCB
628	LA14DH0029	MOCK	VONGKHAMOR	Kế toán tổng hợp (Lào) K14	83	83	83,0	Tốt	KHCB07	KHCB
629	LA14DH0037	MALYNY	XAYYAKET	Kế toán tổng hợp (Lào) K14	85	85	85,0	Tốt	KHCB07	KHCB
630	LA14DH0020	LATDAVON	XAYVOUTH	Hầm lò (Lào) K14	81	83	82,0	Tốt	KHCB07	KHCB
631	LA14DH0026	VOUTTHISACK THIENG	ONE	QTKD tổng hợp (Lào) K14	82	86	84,0	Tốt	KHCB07	KHCB
632	LA14DH0031	LATTAPHONH	SISOULITH	QTKD tổng hợp (Lào) K14	79	78	78,5	Khá	KHCB07	KHCB

STT	MÃ SV	Họ	Tên	Lớp chuyên ngành	Điểm RL HK1	Điểm RL HK1	Điểm RLHK2	XLRL Năm học	Mã lớp	Khoa
633	LA14DH0032	NALY	THIPPHOTHONG	QTKD tổng hợp (Lão) K14	81	83	82,0	Tốt	KHCB07	KHCB
634	LA14DH0014	PHOUTTHASACK	KHONSAVATH	Tài chính doanh nghiệp (Lão) K14	80	80	80,0	Tốt	KHCB07	KHCB
635	LA14DH0005	ANONGDETH	MEKDALA	Tài chính doanh nghiệp (Lão) K14	80	77	78,5	Khá	KHCB07	KHCB
636	LA14DH0006	MALINA	MIXAYKONE	Tài chính doanh nghiệp (Lão) K14	90	90	90,0	XS	KHCB07	KHCB
637	LA14DH0024	THOUBY XAY	OUDOM	Tài chính doanh nghiệp (Lão) K14	79	90	84,5	Tốt	KHCB07	KHCB
638	LA14DH0007	BOLING	PHIMMASON	Tài chính doanh nghiệp (Lão) K14	81	81	81,0	Tốt	KHCB07	KHCB
639	LA14DH0018	CHINNAPHONE	SOMVANXAY	Tài chính doanh nghiệp (Lão) K14	79	77	78,0	Khá	KHCB07	KHCB
640	LA14DH0025	VILAIVANH	SOPHA	Tài chính doanh nghiệp (Lão) K14	81	82	81,5	Tốt	KHCB07	KHCB
641	LA14DH0015	MALISA	VIPHAKEO	Tài chính doanh nghiệp (Lão) K14	81	82	81,5	Tốt	KHCB07	KHCB
642	CQ14DH0220	Nguyễn Quốc Duy Anh		CNKTĐ K14	85	63	74,0	Khá	KHCB03	KHCB
643	CQ14DH0261	Trần Đức	Anh	CNKTĐ K14	75	75	75,0	Khá	KHCB03	KHCB
644	CQ14DH0115	Trần Thùy	Anh	CNKTĐ K14	95	95	95,0	XS	KHCB03	KHCB
645	CQ14DH0127	Đinh Hữu	Bàng	CNKTĐ K14	80	80	80,0	Tốt	KHCB03	KHCB
646	CQ14DH0012	Nguyễn Văn	Chiến	CNKTĐ K14	70	70	70,0	Khá	KHCB03	KHCB
647	CQ14DH0296	Đinh Văn	Chung	CNKTĐ K14	70	70	70,0	Khá	KHCB03	KHCB
648	CQ14DH0066	Vì Văn	Công	CNKTĐ K14	70	70	70,0	Khá	KHCB03	KHCB
649	CQ14DH0104	Bùi Văn	Cường	CNKTĐ K14	75	75	75,0	Khá	KHCB03	KHCB
650	CQ14DH0079	Lê Việt	Cường	CNKTĐ K14	70	70	70,0	Khá	KHCB03	KHCB
651	CQ14DH0038	Nguyễn Mạnh	Cường	CNKTĐ K14	75	60	67,5	Khá	KHCB03	KHCB
652	CQ14DH0324	Hoàng Việt	Dũng	CNKTĐ K14	80	80	80,0	Tốt	KHCB03	KHCB
653	CQ14DH0008	Nguyễn Tiến	Dũng	CNKTĐ K14	80	63	71,5	Khá	KHCB03	KHCB
654	CQ14DH0184	Nguyễn Tiến	Đạt	CNKTĐ K14	75	75	75,0	Khá	KHCB03	KHCB
655	CQ14DH0313	Phạm Quốc	Hải	CNKTĐ K14	75	75	75,0	Khá	KHCB03	KHCB
656	CQ14DH0241	Nguyễn Thái	Hoàng	CNKTĐ K14	85	85	85,0	Tốt	KHCB03	KHCB
657	CQ14DH0006	Trần Thiên	Hoàng	CNKTĐ K14	80	80	80,0	Tốt	KHCB03	KHCB
658	CQ14DH0044	Phạm Quốc	Khánh	CNKTĐ K14	80	80	80,0	Tốt	KHCB03	KHCB
659	CQ14DH0216	Hoàng Văn	Kiên	CNKTĐ K14	75	63	69,0	Khá	KHCB03	KHCB
660	CQ14DH0116	Nguyễn Khắc	Kiên	CNKTĐ K14	70	70	70,0	Khá	KHCB03	KHCB
661	CQ14DH0310	Bùi Văn	Lâm	CNKTĐ K14	80	80	80,0	Tốt	KHCB03	KHCB
662	CQ14DH0320	Đàm Tùng	Lâm	CNKTĐ K14	82	82	82,0	Tốt	KHCB03	KHCB
663	CQ14DH0085	Nguyễn Thanh	Lâm	CNKTĐ K14	80	62	71,0	Khá	KHCB03	KHCB
664	CQ14DH0030	Nguyễn Ngọc	Lân	CNKTĐ K14	85	85	85,0	Tốt	KHCB03	KHCB
665	CQ14DH0258	Bùi Hoàng	Long	CNKTĐ K14	80	80	80,0	Tốt	KHCB03	KHCB
666	CQ14DH0130	Nguyễn Hoàng	Long	CNKTĐ K14	80	60	70,0	Khá	KHCB03	KHCB
667	CQ14DH0021	Nguyễn Duy	Mạnh	CNKTĐ K14	80	80	80,0	Tốt	KHCB03	KHCB
668	CQ14DH0228	Nguyễn Đức	Mạnh	CNKTĐ K14	70	70	70,0	Khá	KHCB03	KHCB
669	CQ14DH0135	Nguyễn Công	Minh	CNKTĐ K14	82	82	82,0	Tốt	KHCB03	KHCB
670	CQ14DH0143	Lê Thị	Nga	CNKTĐ K14	95	95	95,0	XS	KHCB03	KHCB
671	CQ14DH0244	Nịnh Văn	Phúc	CNKTĐ K14	60	60	60,0	TB	KHCB03	KHCB
672	CQ14DH0262	Phạm Minh	Phúc	CNKTĐ K14	70	70	70,0	Khá	KHCB03	KHCB
673	CQ14DH0028	Nguyễn Anh	Phương	CNKTĐ K14	80	70	75,0	Khá	KHCB03	KHCB
674	CQ14DH0294	Đỗ Mạnh	Quân	CNKTĐ K14	80	80	80,0	Tốt	KHCB03	KHCB
675	CQ14DH0080	Nguyễn Đình	Quyết	CNKTĐ K14	80	80	80,0	Tốt	KHCB03	KHCB
676	CQ14DH0173	Vũ Hải	Son	CNKTĐ K14	80	80	80,0	Tốt	KHCB03	KHCB
677	CQ14DH0103	Bùi Công	Sứ	CNKTĐ K14	80	80	80,0	Tốt	KHCB03	KHCB
678	CQ14DH0082	Vũ Đức	Tâm	CNKTĐ K14	80	80	80,0	Tốt	KHCB03	KHCB
679	CQ14DH0181	Nguyễn Tuấn	Thành	CNKTĐ K14	75	75	75,0	Khá	KHCB03	KHCB
680	CQ14DH0328	Phạm Như	Thành	CNKTĐ K14	60	60	60,0	TB	KHCB03	KHCB
681	CQ14DH0098	Nguyễn Văn	Toàn	CNKTĐ K14	80	80	80,0	Tốt	KHCB03	KHCB
682	CQ14DH0057	Đỗ Quang	Trung	CNKTĐ K14	70	70	70,0	Khá	KHCB03	KHCB
683	CQ14DH0178	Nguyễn Thành	Trung	CNKTĐ K14	70	70	70,0	Khá	KHCB03	KHCB
684	CQ14DH0119	Trịnh Thành	Trung	CNKTĐ K14	70	70	70,0	Khá	KHCB03	KHCB
685	CQ14DH0168	Đồng Xuân	Trường	CNKTĐ K14	80	80	80,0	Tốt	KHCB03	KHCB

STT	MÃ SV	Họ	Tên	Lớp chuyên ngành	Điểm RL HK1	Điểm RL HK1	Điểm RLHK2	XLRL Năm học	Mã lớp	Khoa
686	CQ14DH0147	Trần Xuân	Trường	CNKTĐ K14	80	80	80,0	Tốt	KHCB03	KHCB
687	CQ14DH0123	Lê Minh	Tuấn	CNKTĐ K14	75	75	75,0	Khá	KHCB03	KHCB
688	CQ14DH0201	Nguyễn Văn	Tuấn	CNKTĐ K14	70	70	70,0	Khá	KHCB03	KHCB
689	CQ14DH0204	Bùi Thanh	Tuyền	CNKTĐ K14	75	75	75,0	Khá	KHCB03	KHCB
690	CQ14DH0019	Đỗ Thái	Anh	Điện tử K14	85	83	84,0	Tốt	KHCB06	KHCB
691	CQ14DH0146	Nguyễn Văn	Đức	Điện tử K14	87	90	88,5	Tốt	KHCB06	KHCB
692	CQ14DH0325	Nguyễn Tiến	Dũng	Điện tử K14	84	81	82,5	Tốt	KHCB06	KHCB
693	CQ14DH0140	Phạm Quang	Được	Điện tử K14	96	97	96,5	XS	KHCB06	KHCB
694	CQ14DH0257	Đoàn Việt	Hung	Điện tử K14	83	82	82,5	Tốt	KHCB06	KHCB
695	CQ14DH0252	Đinh Văn	Leng	Điện tử K14	85	90	87,5	Tốt	KHCB06	KHCB
696	CQ14DH0046	Nguyễn Việt	Phong	Điện tử K14	86	90	88,0	Tốt	KHCB06	KHCB
697	CQ14DH0253	Đinh Đức	Thái	Điện tử K14	84	90	87,0	Tốt	KHCB06	KHCB
698	CQ14DH0316	Phạm Anh	Thịnh	Điện tử K14	82	81	81,5	Tốt	KHCB06	KHCB
699	CQ14DH0334	Vũ Văn	Chiến	Điện tử K14	82	83	82,5	Tốt	KHCB06	KHCB
700	CQ14DH0200	Nguyễn Văn	An	Điện tử K14	83	82	82,5	Tốt	KHCB06	KHCB
701	CQ14DH0163	Nguyễn Tiến	Dũng	Điện tử K14	84	50	67,0	Khá	KHCB06	KHCB
702	CQ14DH0043	Bùi Văn	Lâm	Điện tử K14	0	50	25,0	Yếu	KHCB06	KHCB
703	CQ14DH0171	Cao Minh	Quân	Điện tử K14	96	50	73,0	Khá	KHCB06	KHCB
704	CQ14DH0061	Lê Văn	Son	Điện tử K14	84	83	83,5	Tốt	KHCB06	KHCB
705	CQ14DH0007	Vũ Văn	Trọng	Điện tử K14	92	50	71,0	Khá	KHCB06	KHCB
706	CQ14DH0036	Nguyễn Văn	Trường	Điện tử K14	85	85	85,0	Tốt	KHCB06	KHCB
707	CQ14DH0094	Đỗ Văn	Vĩnh	Điện tử K14	86	85	85,5	Tốt	KHCB06	KHCB
708	CQ14DH0090	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	CN CDM K14	93	91	92,0	XS	KHCB06	KHCB
709	CQ14DH0033	Nguyễn Hữu	Chung	CN CDM K14	83	81	82,0	Tốt	KHCB06	KHCB
710	CQ14DH0102	Nguyễn Thái	Dương	CN CDM K14	85	50	67,5	Khá	KHCB06	KHCB
711	CQ14DH0016	Đặng Trung	Hậu	CN CDM K14	84	83	83,5	Tốt	KHCB06	KHCB
712	CQ14DH0170	Nguyễn Hải	Hậu	CN CDM K14	85	84	84,5	Tốt	KHCB06	KHCB
713	CQ14DH0195	Đào Văn	Linh	CN CDM K14	84	82	83,0	Tốt	KHCB06	KHCB
714	CQ14DH0101	Ngô Minh	Nhật	CN CDM K14	83	90	86,5	Tốt	KHCB06	KHCB
715	CQ14DH0232	Vũ Trọng	Quý	CN CDM K14	84	85	84,5	Tốt	KHCB06	KHCB
716	CQ14DH0081	Bùi Đức	Mạnh	CN CDM K14	85	90	87,5	Tốt	KHCB06	KHCB
717	CQ14DH0230	Đoàn Tiến	Dũng	Điện tử và cơ K14	86	85	85,5	Tốt	KHCB06	KHCB
718	CQ14DH0238	Nguyễn Ngọc	Phong	TM Lộ thiên K1	87	86	86,5	Tốt	KHCB06	KHCB
719	CQ14DH0311	Nguyễn Văn	Son	TM Lộ thiên K1	85	86	85,5	Tốt	KHCB06	KHCB
720	CQ14DH0027	Bùi Hiếu	Anh	Kế toán K14	85	85	85,0	Tốt	KHCB01	KHCB
721	CQ14DH0069	Phạm Minh	Anh	Kế toán K14	83	83	83,0	Tốt	KHCB01	KHCB
722	CQ14DH0221	Nguyễn Thị Việt	Anh	Kế toán K14	80	80	80,0	Tốt	KHCB01	KHCB
723	CQ14DH0048	Hà Lan	Chinh	Kế toán K14	85	85	85,0	Tốt	KHCB01	KHCB
724	CQ14DH0235	Đào Mạc	Đặng	Kế toán K14	85	85	85,0	Tốt	KHCB01	KHCB
725	CQ14DH0287	Trịnh Anh	Đức	Kế toán K14	80	75	77,5	Khá	KHCB01	KHCB
726	CQ14DH0024	Lê Văn	Dũng	Kế toán K14	85	85	85,0	Tốt	KHCB01	KHCB
727	CQ14DH0018	Bùi Thị Thùy	Dương	Kế toán K14	92	92	92,0	XS	KHCB01	KHCB
728	CQ14DH0105	Phạm Thị Thuý	Dương	Kế toán K14	83	83	83,0	Tốt	KHCB01	KHCB
729	CQ14DH0237	Bàn Thị Mỹ	Duyên	Kế toán K14	92	92	92,0	XS	KHCB01	KHCB
730	CQ14DH0095	Phạm Thị Thu	Hà	Kế toán K14	80	75	77,5	Khá	KHCB01	KHCB
731	CQ14DH0315	Nguyễn Bùi Nhật	Hoà	Kế toán K14	83	83	83,0	Tốt	KHCB01	KHCB
732	CQ14DH0240	Nguyễn Huy	Hoàng	Kế toán K14	90	90	90,0	XS	KHCB01	KHCB
733	CQ14DH0072	Ngô Việt	Hoàng	Kế toán K14	80	63	71,5	Khá	KHCB01	KHCB
734	CQ14DH0073	Nguyễn Thu	Hương	Kế toán K14	85	85	85,0	Tốt	KHCB01	KHCB
735	CQ14DH0112	Lý Thị Lan	Hương	Kế toán K14	80	80	80,0	Tốt	KHCB01	KHCB
736	CQ14DH0205	Nguyễn Văn	Huy	Kế toán K14	85	85	85,0	Tốt	KHCB01	KHCB
737	CQ14DH0042	Phạm Thị	Huyền	Kế toán K14	85	85	85,0	Tốt	KHCB01	KHCB
738	CQ14DH0214	Hoàng Thị	Huyền	Kế toán K14	80	80	80,0	Tốt	KHCB01	KHCB

STT	MÃ SV	Họ	Tên	Lớp chuyên ngành	Điểm RL HK1	Điểm RL HK1	Điểm RLHK2	XLRL Năm học	Mã lớp	Khoa
739	CQ14DH0062	Trần Thị Mỹ	Linh	Kế toán K14	95	95	95,0	XS	KHCB01	KHCB
740	CQ14DH0075	Bùi Thuỳ	Linh	Kế toán K14	85	85	85,0	Tốt	KHCB01	KHCB
741	CQ14DH0089	Lê Thị Cẩm	Linh	Kế toán K14	85	85	85,0	Tốt	KHCB01	KHCB
742	CQ14DH0243	Nguyễn Huyền	Linh	Kế toán K14	83	83	83,0	Tốt	KHCB01	KHCB
743	CQ14DH0297	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Kế toán K14	80	50	65,0	Khá	KHCB01	KHCB
744	CQ14DH0187	Hoàng Thị Cẩm	Ly	Kế toán K14	76	64	70,0	Khá	KHCB01	KHCB
745	CQ14DH0025	Đặng Tuấn	Minh	Kế toán K14	80	80	80,0	Tốt	KHCB01	KHCB
746	CQ14DH0177	Trần Thị Quỳnh	Nga	Kế toán K14	85	85	85,0	Tốt	KHCB01	KHCB
747	CQ14DH0145	Phạm Thị	Ngân	Kế toán K14	80	80	80,0	Tốt	KHCB01	KHCB
748	CQ14DH0326	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Kế toán K14	73	50	61,5	TB	KHCB01	KHCB
749	CQ14DH0260	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	Kế toán K14	85	85	85,0	Tốt	KHCB01	KHCB
750	CQ14DH0192	Hoàng Lê Thảo	Nguyên	Kế toán K14	80	80	80,0	Tốt	KHCB01	KHCB
751	CQ14DH0225	Vũ Thị Thanh	Nhân	Kế toán K14	90	90	90,0	XS	KHCB01	KHCB
752	CQ14DH0236	Nguyễn Hồng	Nhung	Kế toán K14	90	90	90,0	XS	KHCB01	KHCB
753	CQ14DH0212	Đặng Hồng	Nhung	Kế toán K14	85	85	85,0	Tốt	KHCB01	KHCB
754	CQ14DH0002	Lã Thị Thu	Phương	Kế toán K14	90	92	91,0	XS	KHCB01	KHCB
755	CQ14DH0283	Nguyễn Hà	Phương	Kế toán K14	90	90	90,0	XS	KHCB01	KHCB
756	CQ14DH0010	Phạm Minh	Quyết	Kế toán K14	50	75	62,5	TB	KHCB01	KHCB
757	CQ14DH0009	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Kế toán K14	80	80	80,0	Tốt	KHCB01	KHCB
758	CQ14DH0190	Lưu Minh	Tân	Kế toán K14	85	63	74,0	Khá	KHCB01	KHCB
759	CQ14DH0064	Phạm Anh	Thư	Kế toán K14	85	85	85,0	Tốt	KHCB01	KHCB
760	CQ14DH0256	Vũ Hoài	Thương	Kế toán K14	90	90	90,0	XS	KHCB01	KHCB
761	CQ14DH0196	Phạm Huyền	Trang	Kế toán K14	83	83	83,0	Tốt	KHCB01	KHCB
762	CQ14DH0137	Bùi Thu	Trang	Kế toán K14	83	83	83,0	Tốt	KHCB01	KHCB
763	CQ14DH0076	Dương Mạnh	Trường	Kế toán K14	85	85	85,0	Tốt	KHCB01	KHCB
764	CQ14DH0107	Vũ Hoàng	Vân	Kế toán K14	93	93	93,0	XS	KHCB01	KHCB
765	CQ14DH0058	Phạm Minh	Vũ	Kế toán K14	83	80	81,5	Tốt	KHCB01	KHCB
766	CQ14DH0070	Nguyễn Ngọc Yết	Vy	Kế toán K14	93	93	93,0	XS	KHCB01	KHCB
767	CQ11DH0080	Lưu Công	Đại	ỹ thuật mô HLK	80	80	80,0	Tốt	MCT01	M&CT
768	LA11DH0019	Sy	Phetbonesy	ỹ thuật mô HLK	76	76	76,0	Khá	MCT01	M&CT
769	LA11DH0018	Anou	Phetjanthasing	KT mô HLK11	75	75	75,0	Khá	MCT01	M&CT
770	CQ11DH0082	Lê Văn	Quý	KT mô HLK11	80	80	80,0	Tốt	MCT01	M&CT
771	CQ11DH0081	Nguyễn Bá	Thức	KT mô HLK11	80	80	80,0	Tốt	MCT01	M&CT
772	CQ11DH0083	Lê Quang	Đức	TĐCTK11	90	90	90,0	XS	MCT01	M&CT
773	CQ12DH0005	Nguyễn Thanh	Tùng	Hầm và Cầu K12	64	63	63,5	TB	MCT01	M&CT
774	LA12DH0028	Tholy	Sybounseng	Hầm và Cầu K12	75	80	77,5	Khá	MCT01	M&CT
775	LA12DH0026	Sitthisay	Thongsamai	Hầm và Cầu K12	80	80	80,0	Tốt	MCT01	M&CT
776	LA12DH0027	Saksada	Xaibounheuang	Hầm và Cầu K12	80	80	80,0	Tốt	MCT01	M&CT
777	CQ12DH0087	Nguyễn Tiến	Đạt	KT mô HLK12	80	80	80,0	Tốt	MCT01	M&CT
778	CQ12DH0085	Nguyễn Tiến	Thành	KT mô HLK12	80	80	80,0	Tốt	MCT01	M&CT
779	CQ12DH0110	Trịnh Đức	Huy	Trắc địa K12	80	80	80,0	Tốt	MCT01	M&CT
780	CQ12DH0146	Nguyễn Danh	Hùng	Trắc địa K12	90	90	90,0	XS	MCT01	M&CT
781	LA12DH0024	Aewsy	Ainmethai	Trắc địa K12	83	80	81,5	Tốt	MCT01	M&CT
782	LA12DH0025	Souk	Khammeeexay	Trắc địa K12	83	80	81,5	Tốt	MCT01	M&CT
783	LTCQ13DH09	Đỗ Văn	Hải	LTKTM HLK13	71	76	73,5	Khá	MCT01	M&CT
784	LTCQ13DH08	Nguyễn Văn	Linh	LTKTM HLK13	77	79	78,0	Khá	MCT01	M&CT
785	CQ13DH0452	Nguyễn Việt	Anh	KT mô HLK13	90	91	90,5	XS	MCT01	M&CT
786	CQ13DH0436	Phạm Hải	Nam	KT mô HLK13	63	62	62,5	TB	MCT01	M&CT
787	LA13DH0024	Keng	Thor	KT mô HLK13	80	90	85,0	Tốt	MCT01	M&CT
788	CQ13DH0185	Nguyễn Văn	Tùng	KT mô HLK13	64	83	73,5	Khá	MCT01	M&CT
789	CQ13DH0187	Phạm Thanh	Tùng	KT mô HLK13	76	74	75,0	Khá	MCT01	M&CT